

Số: /BC-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO
Công tác bảo vệ môi trường năm 2024

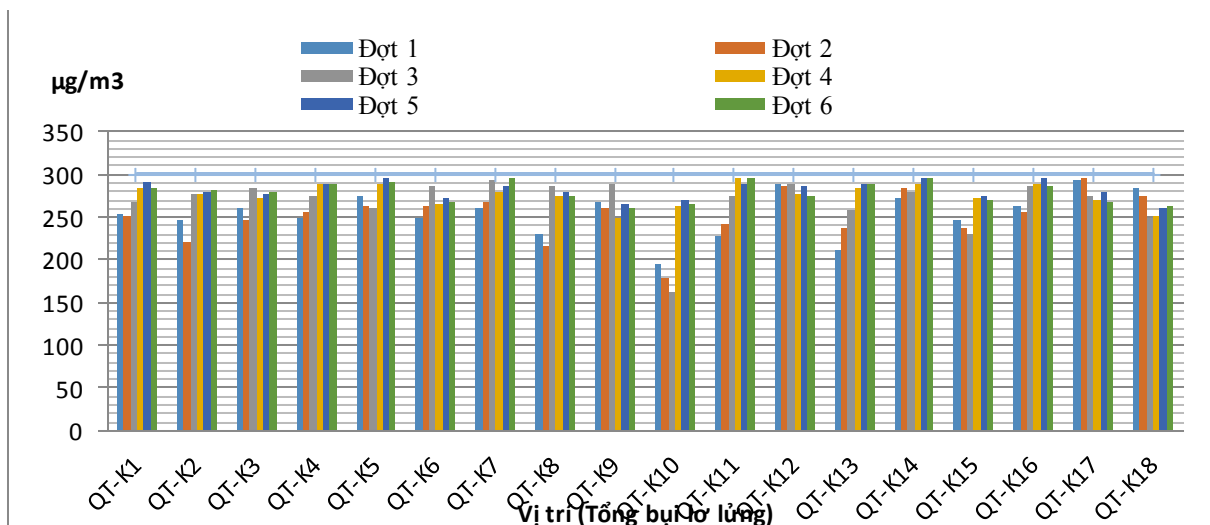
Thực hiện Công văn số 8963/BTNMT-MT ngày 20/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên phạm vi cả nước năm 2024; trên cơ sở báo cáo và đề xuất tại Công văn số 273/STNMT-BVMT ngày 09/01/2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa báo cáo công tác bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hóa năm 2024, báo gồm các nội dung như sau:

I. Hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường

1.1. Môi trường không khí

Chất lượng môi trường không khí giao thông khu vực đô thị và nông thôn còn tương đối tốt; tuy nhiên, còn có tình trạng ô nhiễm không khí như:

- Bụi lơ lửng:

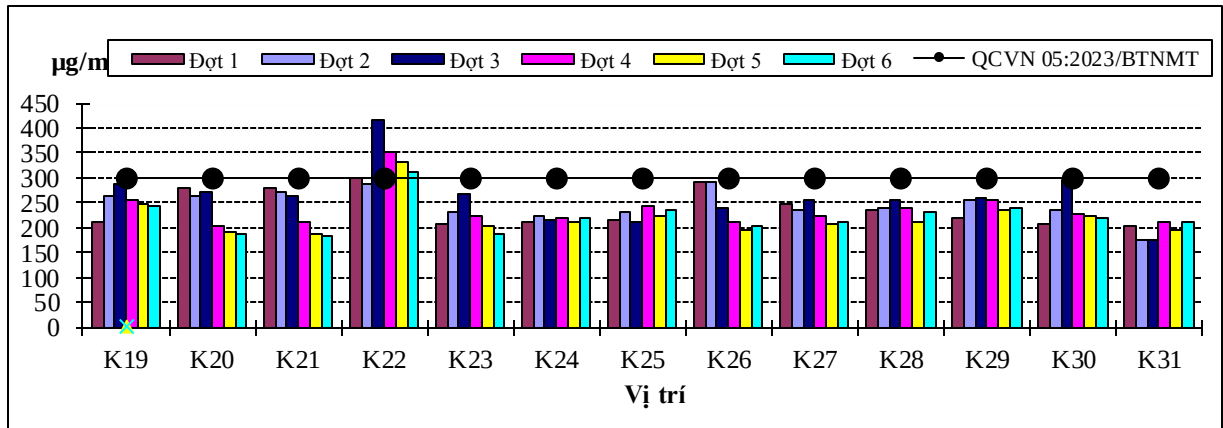


Biểu đồ 01. Nồng độ bụi lơ lửng trong môi trường không khí giao thông

- Kết quả quan trắc môi trường không khí giao thông năm 2024 cho thấy nồng độ bụi lơ lửng trong môi trường không khí giao thông tại các điểm quan trắc đều ở mức khá cao, tại điểm quan trắc nào cũng có đợt giá trị gần tiệm cận với mức giới hạn cho phép của QCVN. Nồng độ tổng bụi lơ lửng tại các điểm quan trắc trong các đợt năm 2024 giao động trong khoảng từ 162 – 297 $\mu\text{g}/\text{m}^3$, tất cả đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT (300 $\mu\text{g}/\text{m}^3$). Một số vị trí ở đợt 6 hàm lượng bụi vượt GHCP theo QCVN 05: 2023 như: QT-K14 Ngã tư thị trấn Ngọc Lặc có nồng độ cao 297 $\mu\text{g}/\text{m}^3$, QT-K16 Ngã năm Đình Hương có nồng độ cao 296 $\mu\text{g}/\text{m}^3$.

- Chất lượng môi trường không khí KDC cạnh các nhà máy, KCN, làng nghề: Kết quả quan trắc cho thấy, hầu hết nồng độ của các thông số quan trắc trong môi trường không khí KDC cạnh các nhà máy, KCN, làng nghề đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT, chỉ có một thông số có nồng độ vượt QCCP đó là bụi lơ lửng.

Nồng độ bụi lơ lửng tại 13 vị trí quan trắc được thể hiện qua biểu đồ sau:



Biểu đồ 02. Nồng độ bụi lơ lửng trong môi trường không khí KDC cạnh các nhà máy, KCN, làng nghề

Qua biểu đồ và kết quả quan trắc cho thấy, giá trị đo được của thông số tổng bụi lơ lửng trung bình 1h trong môi trường không khí khu dân cư cạnh nhà máy, khu công nghiệp, làng nghề năm 2024 quan trắc dao động trong khoảng từ 174 - 418 $\mu\text{g}/\text{m}^3$. Tại 12/13 vị trí có giá trị tổng bụi lơ lửng đo được nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT ($300\mu\text{g}/\text{m}^3$); vị trí K22 – Khu dân cư làng nghề đá Đông Hưng có 4/6 đợt có giá trị tổng bụi lơ lửng cao hơn QCVN05:2023/BTNMT, với số lần cao hơn từ 1,03 – 1,39 lần.

- Tiếng ồn:

Ở khu vực đô thị, tại các nút giao thông trọng điểm, tình trạng ô nhiễm do tiếng ồn còn khá phổ biến như: Độ ồn tương đương giờ cao điểm ban ngày (6 giờ đến 18 giờ) dao động từ 57,5 dBA – 79,7 dBA. Có 97/126 giá trị đo được tại các vị trí quan trắc của các đợt trong năm 2024 giá trị độ ồn tương đương cao hơn QCVN. Trong đó các vị trí có độ ồn cao như: Ngã ba Voi vào thời điểm đợt 2 là 79,7; ngã tư cầu Hồ đường vào NMXM Nghi Sơn đợt 3 là 78,9 dBA.

Ở các vị trí khu dân cư cạnh nhà máy, khu công nghiệp, làng nghề giá trị độ ồn tương đương giao động trong khoảng từ 61,8 – 79,2 dBA, có 35/78 lần quan trắc ghi nhận giá trị độ ồn tương đương cao hơn QCVN 26:2010/BTNMT (70dBA). Các vị trí ghi nhận hầu hết các đợt quan trắc độ ồn đều cao hơn QCVN là: T21 – Khu vực KCN Lễ Môn, p. Quảng Hưng, TP. Thanh Hoá, T25 – Khu vực NMXM Nghi Sơn và nhiệt điện Nghi Sơn, T28 – Khu vực phía Tây Nam khu liên hợp lọc hoá dầu Nghi Sơn, TX. Nghi Sơn.

1.2. Môi trường nước mặt

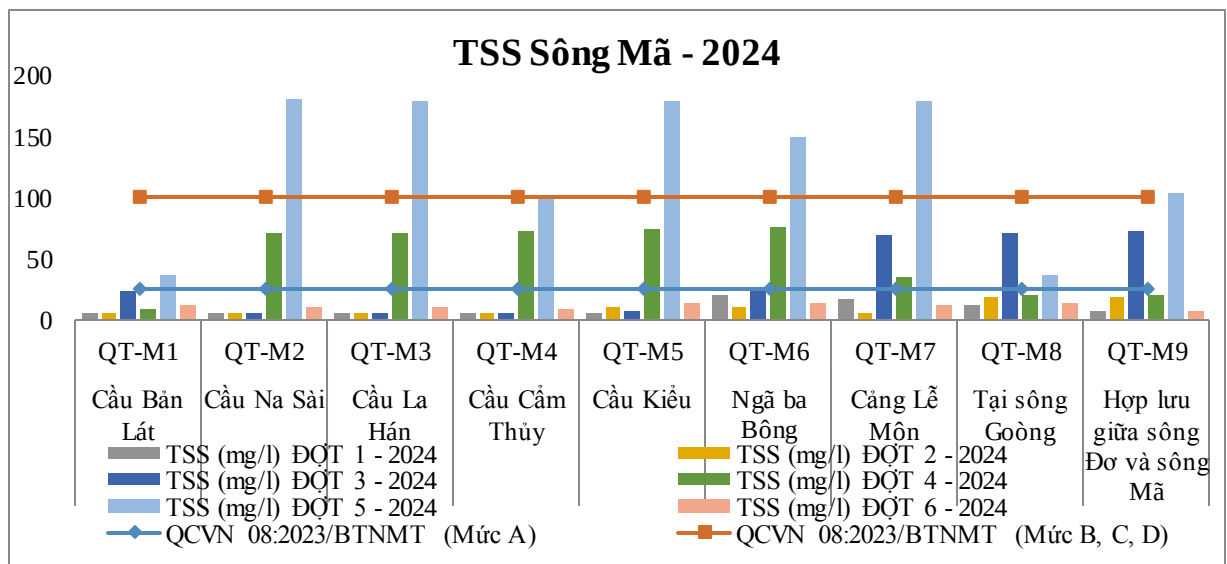
Tài nguyên nước mặt tỉnh Thanh Hoá tương đối phong phú và đa dạng; ngoài 04 hệ thống sông chính cung cấp nước sinh hoạt và sản xuất còn có 264 suối nhỏ và 1.760 hồ chứa lớn nhỏ khác nhau, tạo ra một mạng lưới thủy văn dày đặc và phân bố khá đều trên địa bàn tỉnh. Tổng lượng dòng chảy trung bình hằng năm đạt 20 - 21 tỷ m³, năm cao nhất xấp xỉ 26 tỷ m³, năm nhỏ nhất khoảng 12 tỷ m³. Qua kết quả đo đạc, phân tích chất lượng nước mặt trong những năm qua, cho thấy: Chất lượng nước mặt ở khu vực thượng lưu các con sông lớn còn tương đối tốt. Tuy nhiên, ở vùng trung lưu và hạ lưu một số nơi vào một vài đợt quan trắc, một vài thông số có trong nước sông cao hơn giá trị giới hạn như TSS, Amoni, Fe, Clorua.

a. Chất lượng nước hệ thống sông Mã

(1) Sông Mã

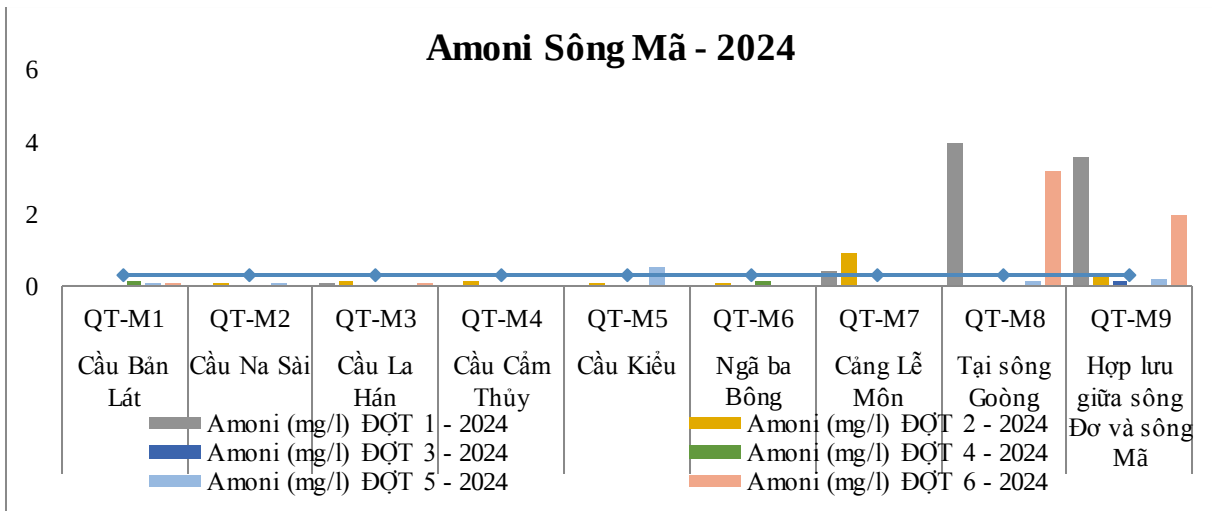
Kết quả quan trắc cho thấy, vào mùa mưa hàm lượng các chỉ tiêu trong nước sông Mã cao hơn mùa khô:

- Hàm lượng TSS: Đợt 1, 2, 6 năm 2024 chất lượng nước đạt mức A (<25mg/L - Chất lượng nước tốt); Đợt 3 tại vị trí QT-M6, QT-M7, QT-M8 và QT-M9 chất lượng nước đạt mức B; Đợt 4 tại vị trí QT-M2 đến QT-M7 chất lượng nước đạt mức B (<100mg/l – chất lượng nước trung bình). Đợt 5 tại vị trí QT-M1, QT-M4 và QT-M8 chất lượng nước đạt mức B, còn các vị trí còn lại chất lượng nước đạt mức C theo Bảng 2 - QCVN 08:2023/BTNMT (Mức A, B, C, D) (>100mg/l – chất lượng nước xấu).



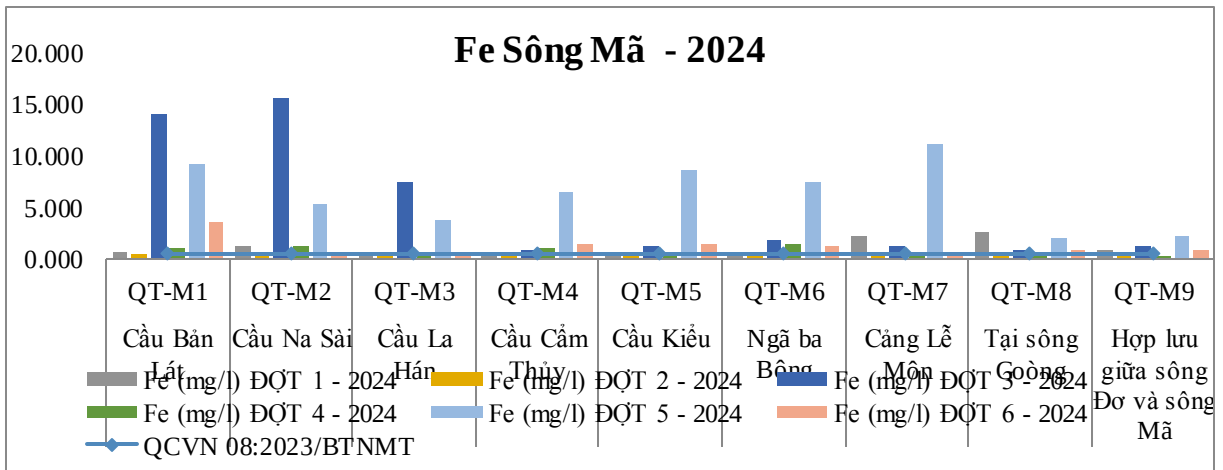
Biểu đồ 03. Hàm lượng TSS trong nước sông Mã

- Hàm lượng Amoni: Đợt 3, 4 và 5 năm 2024 nằm trong GHCP; Đợt 1 cao hơn GHCP tại vị trí QT-M7, QT-M8 và QT-M9 lần lượt là 1,39, 13,27 và 11,92 lần; Đợt 2 tại vị trí QT-M7 cao hơn GHCP 3,18 lần. Đợt 6 tại vị trí Đợt QT-M8 và QT-M9 cao hơn GHCP lần lượt là 10,6 và 6,5 lần theo QCVN 08:2023/BTNMT.



Biểu đồ 04. Hàm lượng Amoni trong nước sông Mã

Hàm lượng Fe: Đợt 1 tại vị trí QT-M1, QT-M2, QT-M7, QT-M8 và QT-M9 cao hơn GHCP từ 1,12 – 5,28 lần; Đợt 2 năm 2024 tại tất cả các vị trí, giá trị chất lượng nước đều nằm trong GHCP; Đợt 3 tại tất cả các vị trí đều cao hơn GHCP từ 1,58 – 31,2 lần; Đợt 4 tại vị trí QT-M1, QT-M2, QT-M4 và QT-M6 cao hơn GHCP từ 1,9 – 2,77 lần; Đợt 5/2024 tại tất cả các vị trí đều cao hơn GHCP từ 3,86 – 22,08 lần; Đợt 6/2023 tại tất cả các vị trí trừ vị trí QT-M2 giá trị chất lượng nước đều cao hơn GHCP từ 1,14 - 7,26 lần theo QCVN 08:2023/BTNMT.

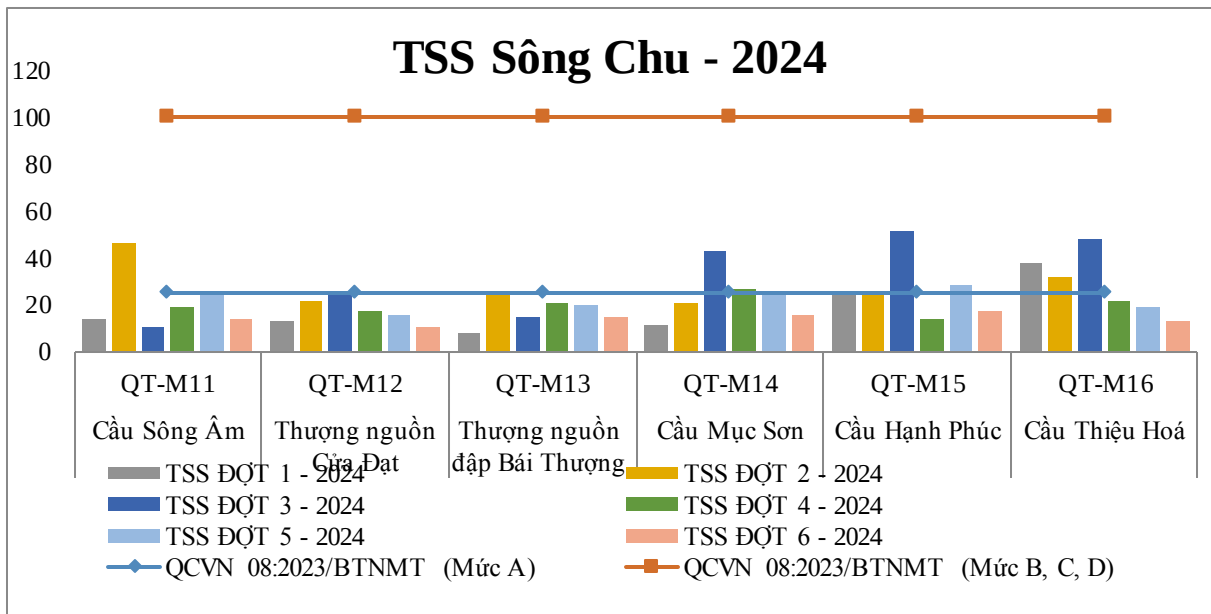


Biểu đồ 05. Hàm lượng Fe trong sông Mã

(2) Sông Chu

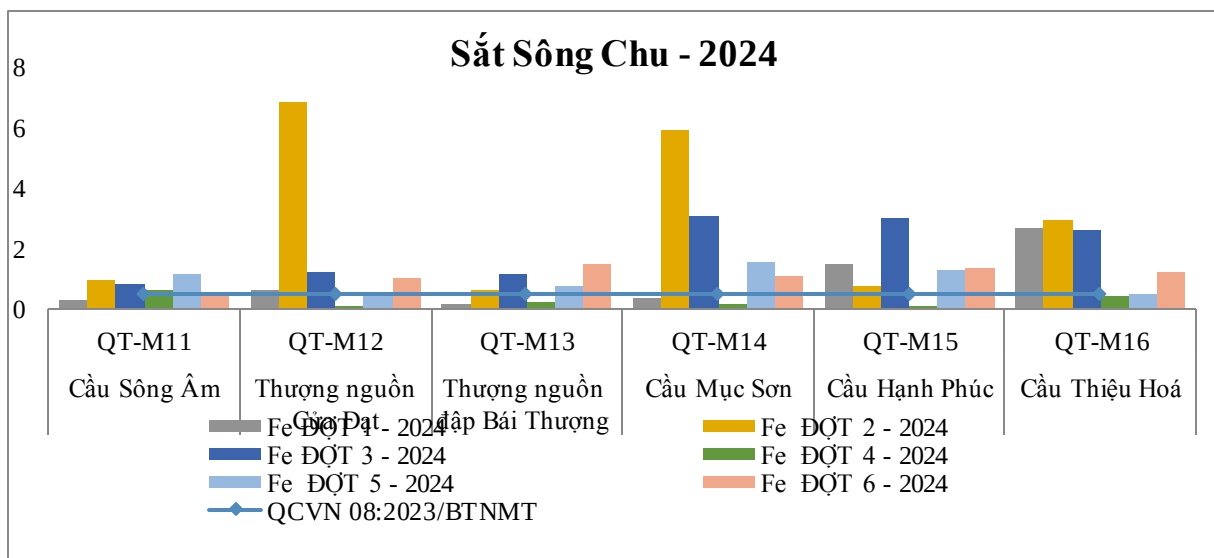
- Hàm lượng TSS tại sông Chu đợt 6/2024 tại tất cả các vị trí quan trắc đều nằm trong GHCP chất lượng nước đạt mức A (<25mg/L - Chất lượng nước tốt); Đợt 2, 3 có 3/6 vị trí chất lượng nước đạt mức A (<25mg/L - Chất lượng nước tốt), có 3/6 vị trí chất lượng nước đạt mức B (<100mg/L - Chất lượng nước trung bình); Đợt 4 có 5/6 vị trí chất lượng nước đạt mức A (<25mg/L - Chất lượng nước tốt), tại vị trí QT-M14 chất lượng nước đạt mức B (<100mg/L - Chất lượng nước trung bình); Đợt 4 có 5/6 vị trí chất lượng nước đạt mức A (<25mg/L -

Chất lượng nước tốt), 2/6 vị trí (QT-M14 và QT-M15) chất lượng nước đạt mức B (<100mg/L - Chất lượng nước trung bình).



Biểu đồ 06. Hàm lượng TSS trong nước sông Chu

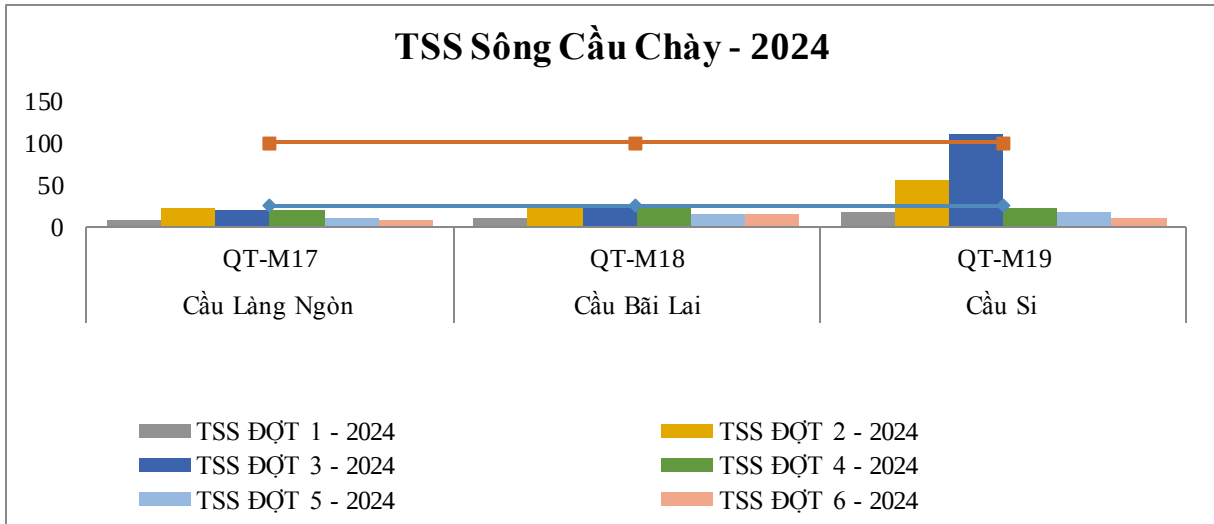
- Hàm lượng Fe tại sông Chu: Đợt 1 tại vị trí QT-M12, QT-M15 và QT-M16 cao hơn GHCP từ 1,16 – 5,26 lần; Đợt 2 tại tất cả các vị trí cao hơn GHCP từ 1,18 - 13,6 lần; Đợt 3 tại tất cả các vị trí cao hơn GHCP từ 1,57 - 6,12 lần; Đợt 4 tại vị trí QT-M11 chất lượng nước cao hơn GHCP 1,23 lần; Đợt 5 tại 4/6 vị trí (trừ QT-M12 và QT-M16) chất lượng nước cao hơn GHCP từ 1,52 - 3,12 lần; Đợt 6 tại 5/6 vị trí (trừ QT-M11) chất lượng nước cao hơn GHCP từ 1,96 - 2,88 lần theo Bảng 1 - QCVN 08:2023/BTNMT (Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người).



Biểu đồ 07. Hàm lượng Fe trong nước sông Chu

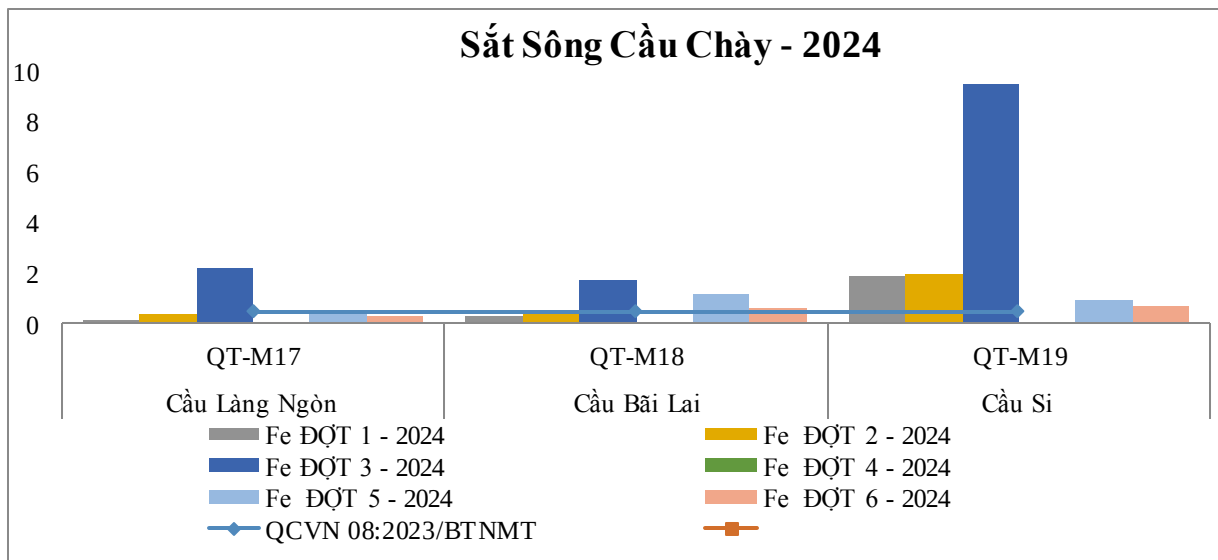
(3) Sông Cầu Chày

- Hàm lượng TSS tại Sông Cầu Chày năm 2024: Đợt 1, 4, 5, 6 tất các vị trí có chất lượng nước đạt mức A ($<25\text{mg/L}$ - Chất lượng nước tốt); Đợt 2 tại vị trí QT-M19 chất lượng nước đạt mức B ($<100\text{mg/l}$ – chất lượng nước trung bình); Đợt 3 tại vị trí QT-M18 chất lượng nước đạt mức B ($<100\text{mg/l}$ – chất lượng nước trung bình), tại vị trí QT-M19 chất lượng nước đạt mức C ($>100\text{mg/L}$ - Chất lượng nước xấu) theo bảng 2- QCVN 08:2023/BTNMT).



Biểu đồ 08. Hàm lượng TSS trong nước sông Cầu Chày

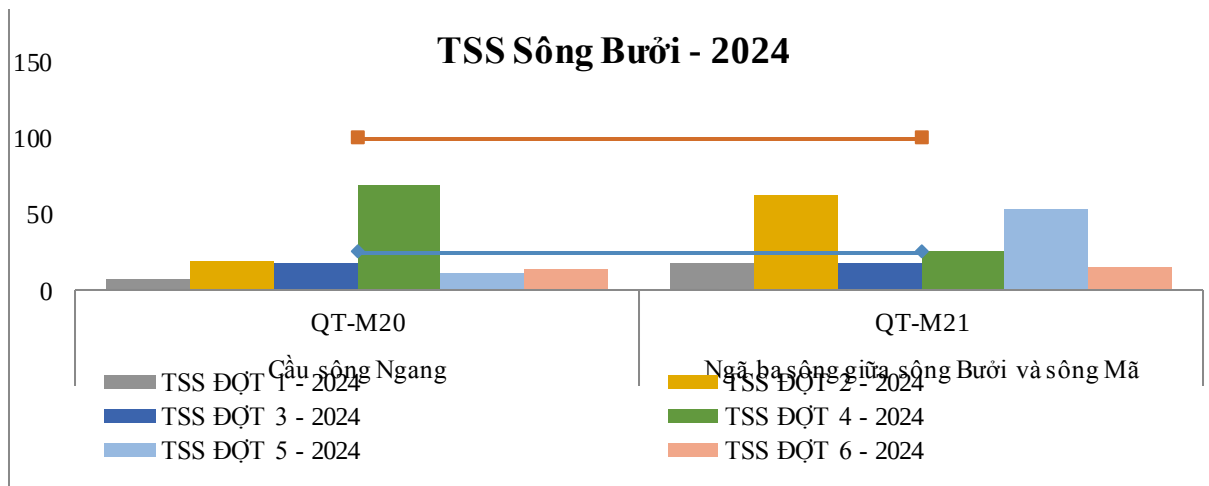
- Hàm lượng Fe tại sông Cầu Chày: Đợt 4 nằm trong GHCP; Đợt 1, 2 cao hơn GHCP tại vị trí QT-M19 lần lượt là 3,71 và 3,96 lần; Đợt 5, 6 cao hơn GHCP tại vị trí QT-M18 và QT-M19 từ 1,29 - 2,42 lần; Đợt 3 cao hơn GHCP tại tất cả các vị trí từ 3,38 - 18,96 lần theo Bảng 1 - QCVN 08:2023/BTNMT (Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người).



Biểu đồ 09. Hàm lượng Fe trong nước sông Cầu Chày

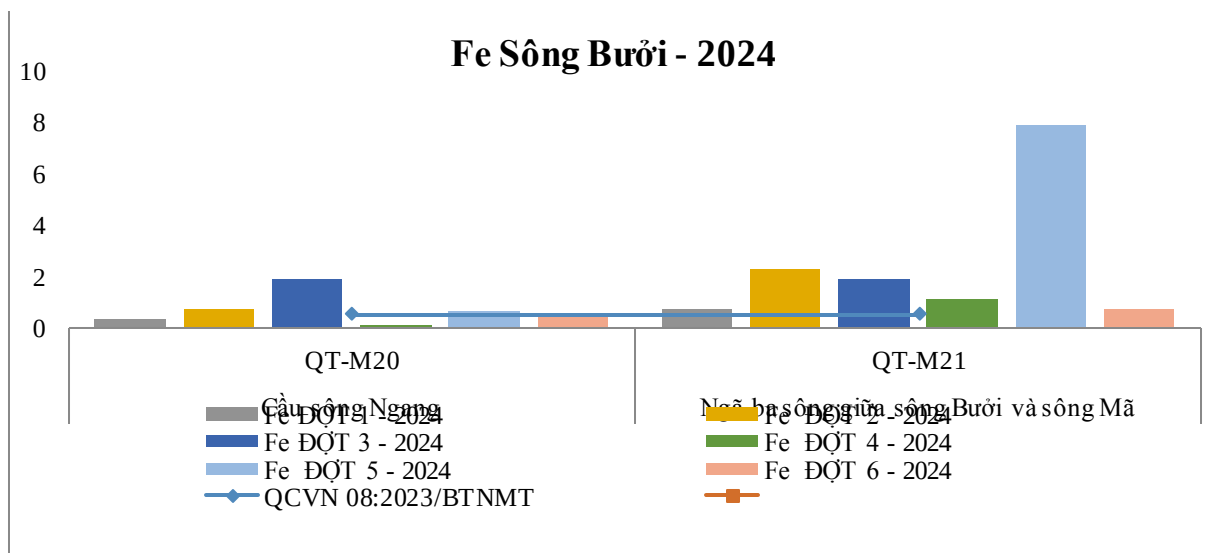
(4) Sông Bưởi

- Đợt 3, 6 tất cả các vị trí đều có chất lượng nước đạt mức A (<25mg/L - Chất lượng nước tốt); Đợt 2, 5 tại vị trí QT-M21 chất lượng nước đạt mức B (<100mg/L - Chất lượng nước trung bình). Đợt 4 cao hơn GHCP tại tất cả các vị trí chất lượng nước đạt mức B (<100mg/L - Chất lượng nước trung bình) theo bảng 2- QCVN 08:2023/BTNMT (mức A, mức B, mức C, mức D).



Biểu đồ 10. Hàm lượng TSS trong nước sông Bưởi

- Hàm lượng Fe tại sông Bưởi: Đợt 1, 4 cao hơn GHCP tại vị trí QT-M21 từ 1,37 – 2,25 lần; Đợt 2, 3, 5 cao hơn GHCP tại tất cả các vị trí từ 1,17 - 15,76 lần theo Bảng 1 - QCVN 08:2023/BTNMT (Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người).

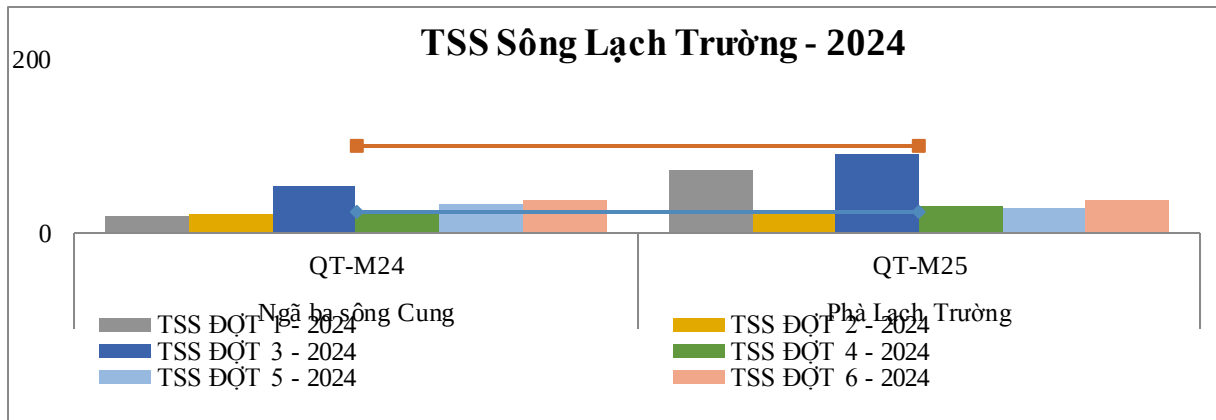


Biểu đồ 11. Hàm lượng Fe trong nước sông Bưởi

(5) Sông Lạch Trường

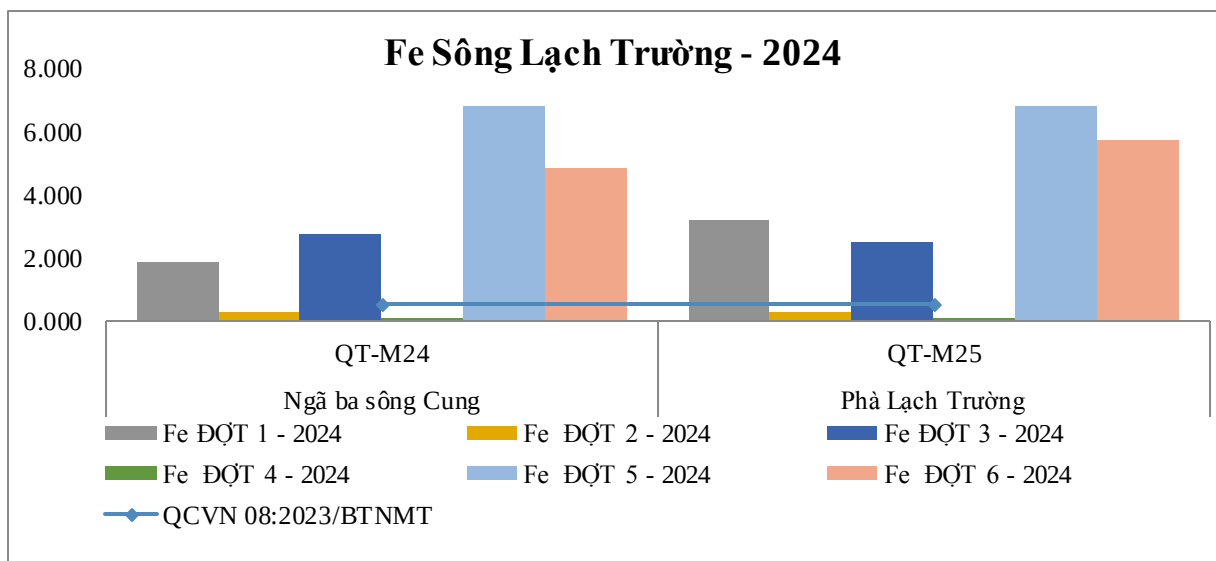
- Hàm lượng TSS tại sông Lạch Trường năm 2024: Đợt 3, 5, 6 tất cả các vị trí chất lượng nước đạt mức B (<100mg/L - Chất lượng nước trung bình); Đợt 1, 4 tại vị trí QT-M24 chất lượng nước đạt mức A (<25mg/L - Chất lượng nước tốt), vị trí QT-M25 chất lượng nước đạt mức B (<100mg/L - Chất lượng nước

trung bình); Đợt 2 tất cả các vị trí chất lượng nước đạt mức A ($<25\text{mg/L}$ - Chất lượng nước tốt) theo Bảng 2 - QCVN 08:2023/BTNMT (Mức A, B, C, D).



Biểu đồ 12. Hàm lượng TSS trong nước sông tại Phà Lạch Trường

Hàm lượng Fe tại sông Lạch Trường năm 2024: Đợt 1, 3, 5, 6 các vị trí cao hơn GHCP từ 3,66 – 13,62 lần; Đợt 2, 4 các vị trí đều nằm trong GHCP theo Bảng 1 - QCVN 08:2023/BTNMT.

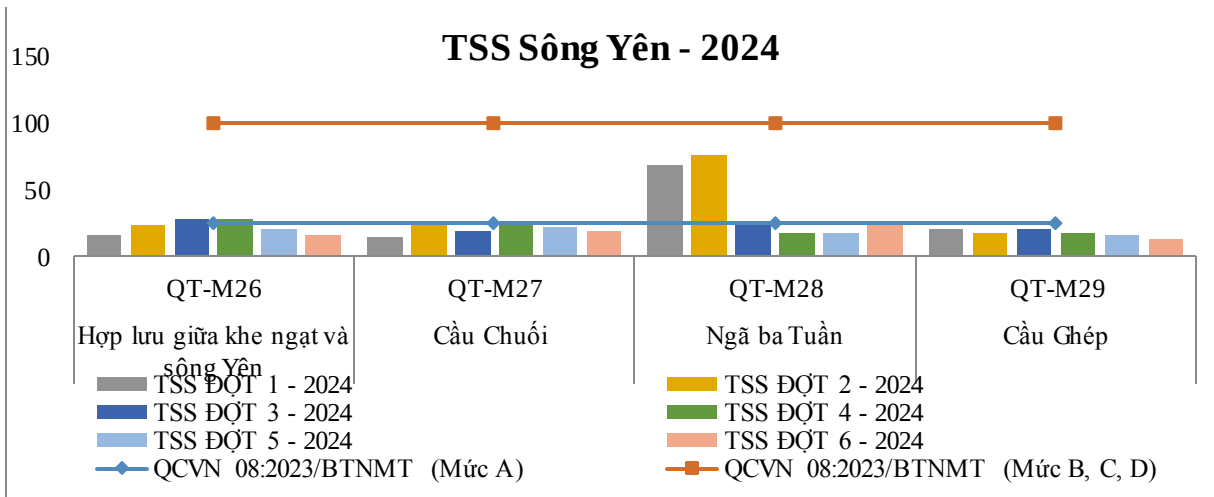


Biểu đồ 13. Hàm lượng Fe trong nước sông tại Phà Lạch Trường

b. Chất lượng nước hệ thống sông Yên

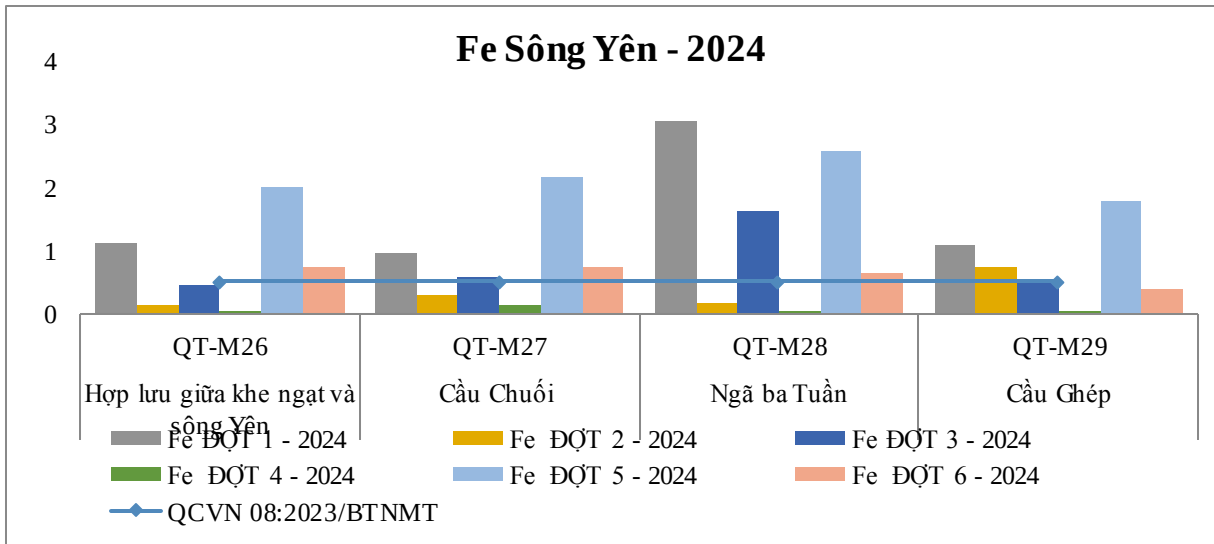
(1) Sông Yên

- Hàm lượng TSS trong nước hệ thống sông Yên năm 2024: Đợt 5, 6 tất cả các vị trí chất lượng nước đạt mức A ($<25\text{mg/L}$ - Chất lượng nước tốt); Đợt 1, 2 có 3/4 vị trí chất lượng nước đạt mức A ($<25\text{mg/L}$ - Chất lượng nước tốt), tại vị trí QT-M28 chất lượng nước đạt mức B ($<100\text{mg/L}$ - Chất lượng nước trung bình); Đợt 3 có 3/4 vị trí chất lượng nước đạt mức A ($<25\text{mg/L}$ - Chất lượng nước tốt), tại vị trí QT-M26 chất lượng nước đạt mức B ($<100\text{mg/L}$ - Chất lượng nước trung bình) theo Bảng 2 - QCVN 08:2023/BTNMT (Mức A, B, C, D).



Biểu đồ 14. Hàm lượng TSS trong nước hệ thống sông Yên

- Hàm lượng Fe trong nước hệ thống sông Yên năm 2024: Đợt 4 tất cả vị trí đều nằm trong GHCP; Đợt 1, 5 tại tất cả các vị trí chất lượng nước đều cao hơn GHCP từ 1,9 – 6,09 lần; Đợt 2 tại vị trí QT-M29 chất lượng nước cao hơn GHCP 1,44 lần, các vị trí còn lại đều nằm trong GHCP; Đợt 3 chất lượng nước tại vị trí QT-M26 nằm trong GHCP, các vị trí còn lại cao hơn GHCP từ 1,1 - 3,24 lần; Đợt 6 chất lượng nước tại vị trí QT-M29 nằm trong GHCP, các vị trí còn lại cao hơn GHCP từ 1,3 - 1,45 lần theo Bảng 1 - QCVN 08:2023/BTNMT (Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người).

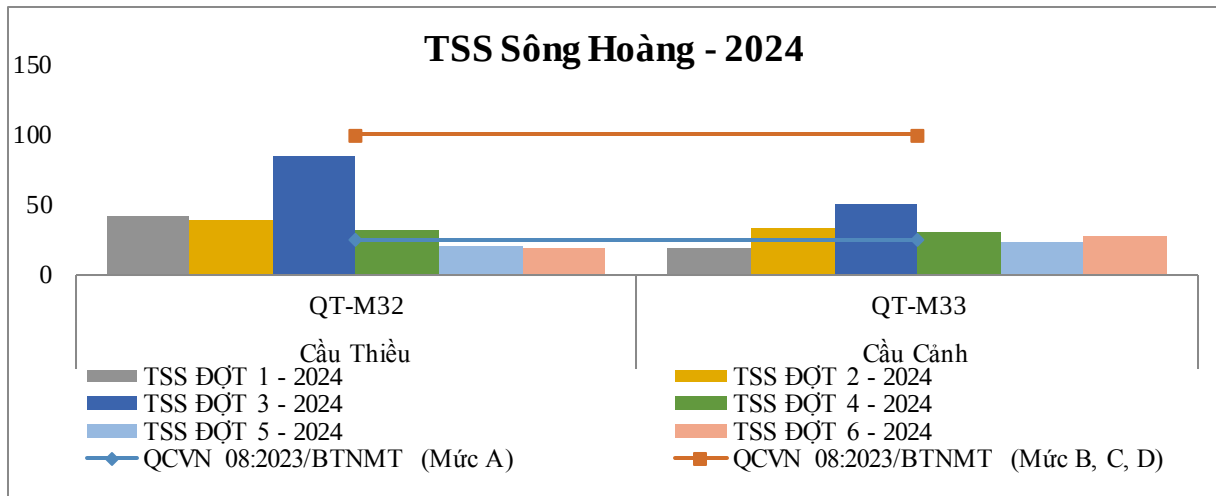


Biểu đồ 15. Hàm lượng Sắt trong nước hệ thống sông Yên

(2) Sông Hoàng

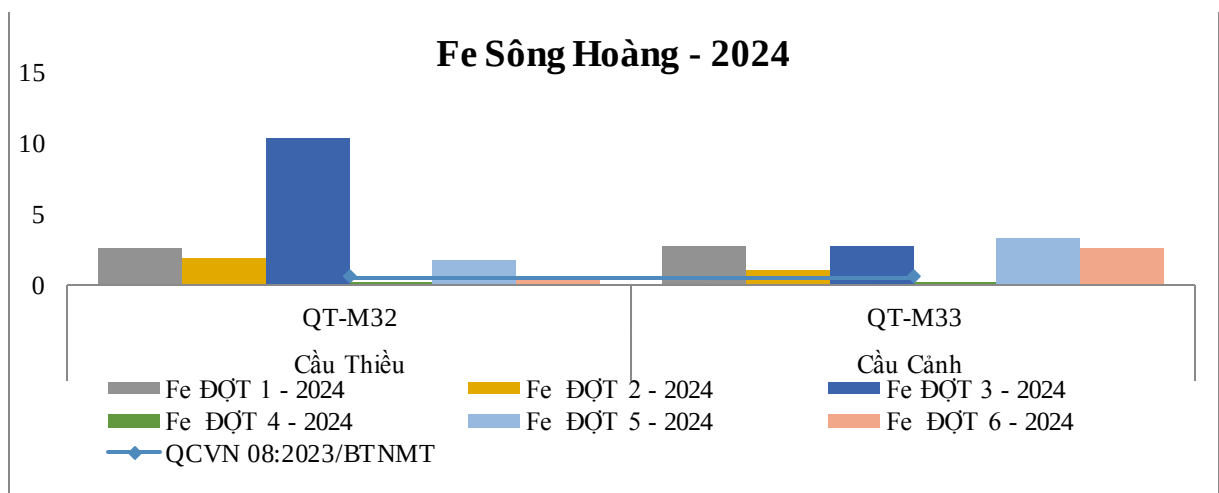
Hàm lượng TSS tại sông Hoàng năm 2024: Đợt 5 cả 2 vị trí đều có chất lượng nước đạt mức A (<25mg/L - Chất lượng nước tốt); Đợt 1 tại vị trí QT-M33 có chất lượng nước đạt mức A (<25mg/L - Chất lượng nước tốt) và tại vị trí QT-M32 chất lượng nước đạt mức B (<100mg/L - Chất lượng nước trung bình); Đợt 6 tại vị trí QT-M32 có chất lượng nước đạt mức A (<25mg/L - Chất lượng nước tốt) và tại vị trí QT-M33 chất lượng nước đạt mức B (<100mg/L - Chất

lượng nước trung bình); Đợt 2, 3, 4 tại cả 2 vị trí chất lượng nước đều đạt mức B ($<100\text{mg/L}$ - Chất lượng nước trung bình) theo Bảng 2 - QCVN 08:2023/BTNMT.



Biểu đồ 16. Hàm lượng TSS trong nước sông Hoàng

Hàm lượng Fe tại sông Hoàng năm 2024: Đợt 4 chất lượng nước tại cả 2 vị trí đều nằm trong GHCP; Đợt 1, 2, 3, 5 tại cả 2 vị trí đều cao hơn GHCP từ 2,02 – 20,8 lần; Đợt 6 tại vị trí QT-M33 cao hơn GHCP là 5,05 lần theo Bảng 1 - QCVN 08:2023/BTNMT.

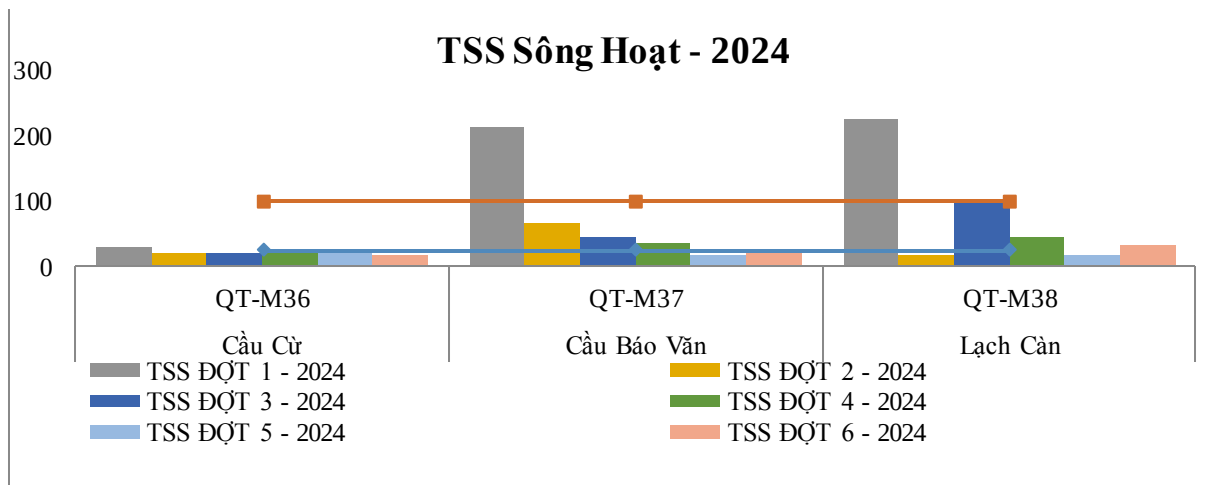


Biểu đồ 17. Hàm lượng Fe trong nước sông Hoàng

c. Chất lượng nước sông Hoạt

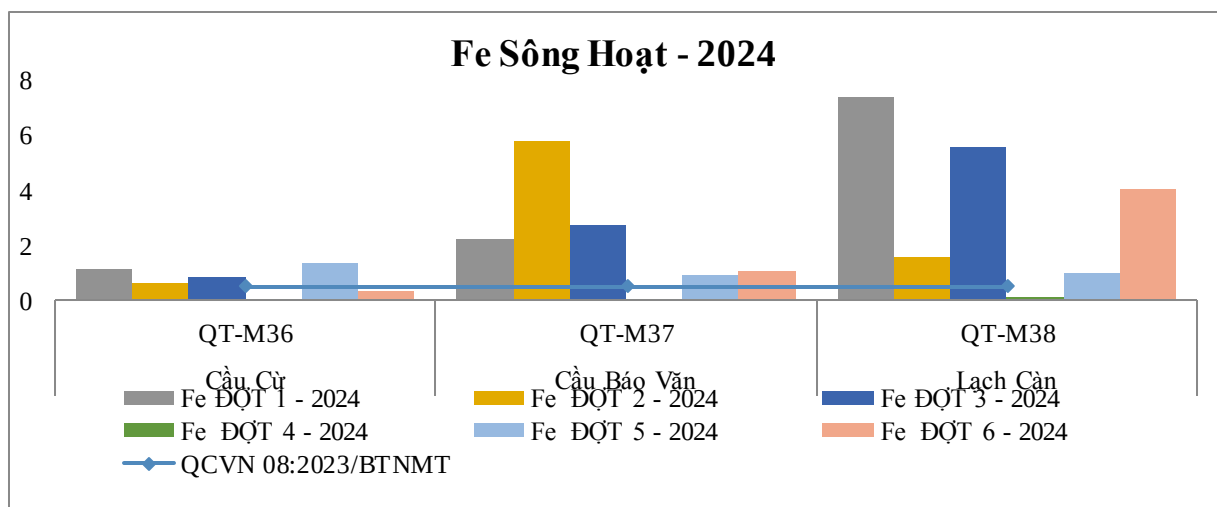
Hàm lượng TSS tại sông Hoạt năm 2024: Đợt 5 tại tất cả các vị trí chất lượng nước đạt mức A ($<25\text{mg/L}$ - Chất lượng nước tốt); Đợt 1, 4 tại tất cả các vị trí chất lượng nước đạt mức B ($<100\text{mg/L}$ - Chất lượng nước trung bình); Đợt 2 tại vị trí QT-M36, QT-M38 chất lượng nước đạt mức A ($<25\text{mg/L}$ - Chất lượng nước tốt), tại vị trí QT-M37 chất lượng nước đạt mức B ($<100\text{mg/L}$ - Chất lượng nước trung bình); Đợt 3, 6 tại vị trí QT-M36 chất lượng nước đạt mức A ($<25\text{mg/L}$ - Chất lượng nước tốt), tại vị trí QT-M37, QT-M38 chất lượng nước

đạt mức B ($<100\text{mg/L}$ - Chất lượng nước trung bình) theo Bảng 2 - QCVN 08:2023/BTNMT (Mức A, B, C, D).



Biểu đồ 18. Hàm lượng TSS trong nước sông Hoạt

Hàm lượng Fe tại sông Hoạt năm 2024: Đợt 4 nằm trong GHCP; Đợt 1, 2, 3, 5 cao hơn GHCP tại cả 3 vị trí từ 1,22 – 14,73 lần; Đợt 6 cao hơn GHCP tại QT- M37, QT -M38 lần lượt là 2,1 và 8,1 lần theo Bảng 1 - QCVN 08:2023/BTNMT.

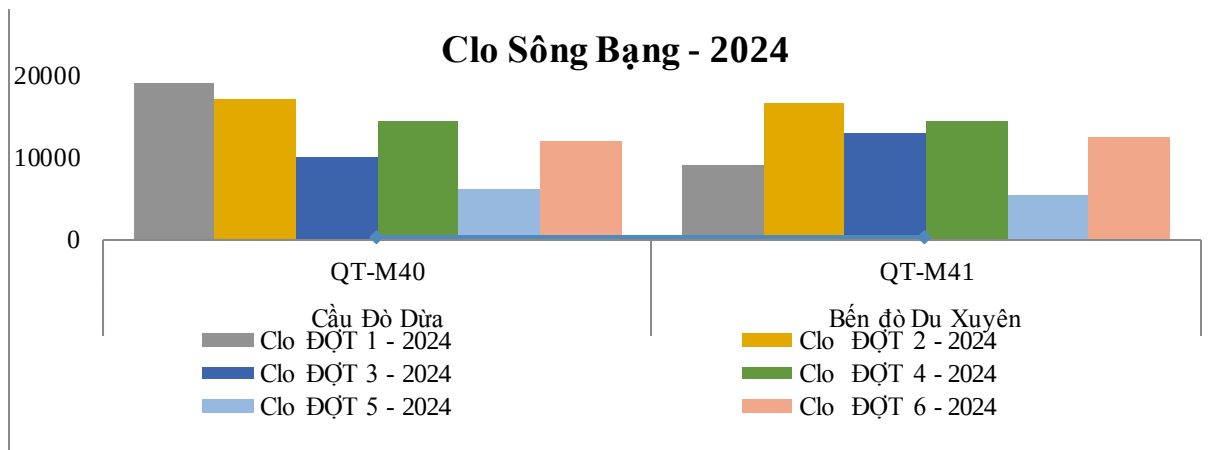


Biểu đồ 19. Hàm lượng Fe trong nước sông Hoạt

d. Chất lượng nước sông Bạng

Chất lượng nước sông Bạng năm 2024 tương đối ổn định. Nước biển xâm nhập vào Cửa Lạch là nguyên nhân làm cho hàm lượng clorua trong nước sông Bạng tăng cao.

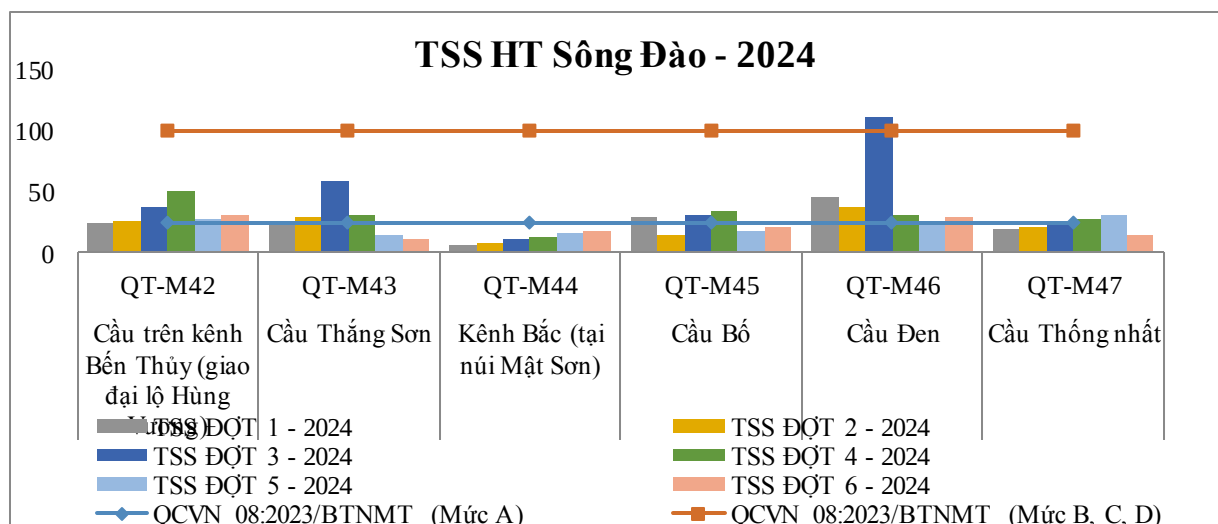
Hàm lượng clorua tại sông Bạng năm 2024 tại tất cả các đợt trong năm 2024 đều cao hơn GHCP từ 21,65 – 75,97 lần theo Bảng 1 - QCVN 08:2023/BTNMT (Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người).



Biểu đồ 20. Hàm lượng clorua trong nước sông Bạng

e. Chất lượng hệ thống Sông đào

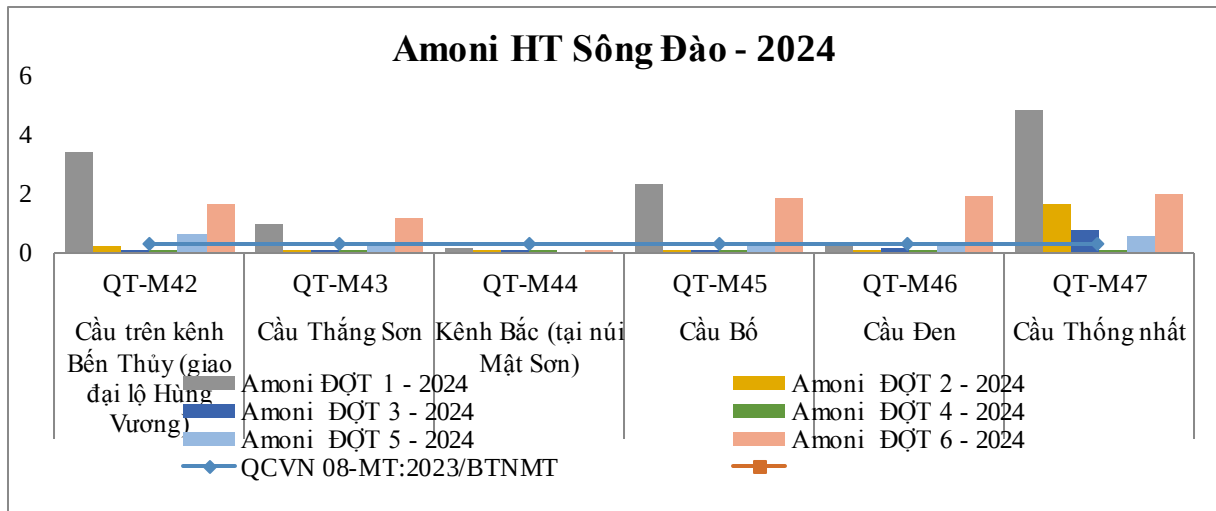
Hàm lượng TSS của hệ thống sông Đào năm 2024: Đợt 1, 2 tại 3/6 vị trí chất lượng nước đạt mức A ($<25\text{mg/L}$ - Chất lượng nước tốt), tại 3/6 vị trí chất lượng nước đạt mức B ($<100\text{mg/L}$ - Chất lượng nước trung bình); Đợt 4 tại vị trí QT-M44 chất lượng nước đạt mức A ($<25\text{mg/L}$ - Chất lượng nước tốt), tại 5/6 vị trí đạt mức B ($<100\text{mg/L}$ - Chất lượng nước trung bình); Đợt 5, 6 tại 4/6 vị trí chất lượng nước đạt mức A ($<25\text{mg/L}$ - Chất lượng nước tốt), tại 2/6 vị trí chất lượng nước đạt mức B ($<100\text{mg/L}$ - Chất lượng nước trung bình); Đợt 3 tại vị trí QT-M44, QT-M47 chất lượng nước đạt mức A ($<25\text{mg/L}$ - Chất lượng nước tốt), tại vị trí QT-M42, QT-M43 và QT-M45 chất lượng nước đạt mức B ($<100\text{mg/L}$ - Chất lượng nước trung bình), tại vị trí QT-M46 chất lượng nước đạt mức C ($>100\text{mg/L}$ - Chất lượng nước xấu) theo Bảng 2 - QCVN 08:2023/BTNMT (Mức A, B, C, D);



Biểu đồ 21. Hàm lượng TSS trong nước sông Đào

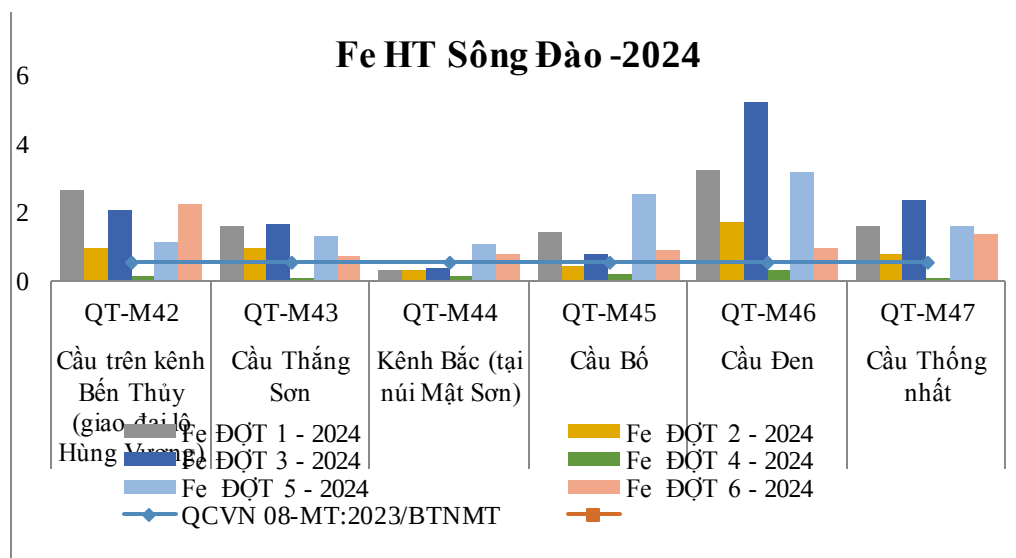
Hàm lượng Amoni của hệ thống sông Đào năm 2024: Đợt 4 tất cả các vị trí đều nằm trong GHCP; Đợt 2, đợt 3 cao hơn GHCP tại vị trí QT-M47 là 5,49 và 2,58 lần; Đợt 1, 6 vị trí QT-M44 nằm trong GHCP, các vị trí còn lại cao hơn

GHCP từ 1,24 - 16,13 lần; Đợt 5 vị trí QT-M42, QT-M43 và QT-M47 cao hơn GHCP từ 1,13 - 2,14 lần theo theo Bảng 1 - QCVN 08:2023/BTNMT (Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người).



Biểu đồ 22. Hàm lượng amoni trong hệ thống sông Đào

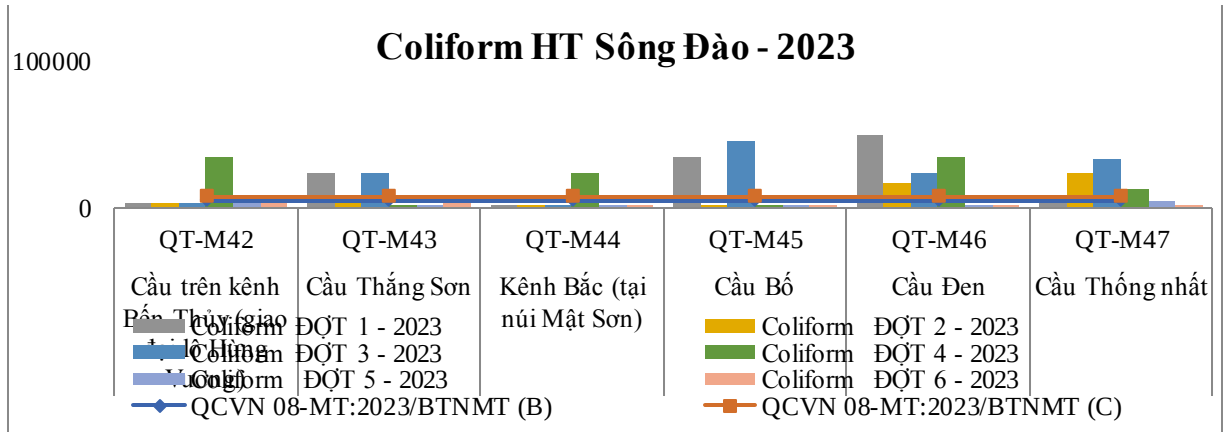
Hàm lượng Fe của hệ thống sông Đào năm 2024: Đợt 4 nằm trong GHCP; Đợt 1, 3 tại vị trí QT-M44 nằm trong GHCP, các vị trí còn lại cao hơn GHCP từ 1,57 - 10,38 lần; Đợt 2 vị trí QT-M44, M45 nằm trong GHCP, các vị trí còn lại cao hơn GHCP từ 1,5 - 3,42 lần; Đợt 5,6 tất cả các vị trí cao hơn GHCP từ 1,38 - 6,34 lần theo Bảng 1 - QCVN 08:2023/BTNMT (Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người).



Biểu đồ 23. Hàm lượng Fe trong hệ thống sông Đào

Hàm lượng Coliform của hệ thống sông Đào năm 2024: Đợt 1 vị trí QT-M46, QT-M47 chất lượng nước đạt mức A, vị trí QT-M45 chất lượng nước đạt mức B, vị trí QT-M44 chất lượng nước đạt mức C; vị trí QT-M42, QT-M43 chất lượng nước đạt mức D; Đợt 2 vị trí QT-M43, QT-M45 chất lượng nước đạt mức B, còn lại các vị trí khác chất lượng nước đạt mức A; Đợt 3 vị trí QT-M43 chất

lượng nước đạt mức A, vị trí QT-M45, QT-M46 chất lượng nước đạt mức D; Đợt 4 vị trí QT-M44, QT-M46 chất lượng nước đạt mức A, vị trí QT-M42, QT-M43, QT-M47 chất lượng nước đạt mức B, vị trí QT-M45 chất lượng nước đạt mức C; Đợt 5 vị trí QT-M45 chất lượng nước đạt mức B, còn lại các vị trí khác chất lượng nước đạt mức A); Đợt 6 vị trí QT-M42, QT-M45, QT-M46 chất lượng nước đạt mức B, còn lại các vị trí khác chất lượng nước đạt mức A theo Bảng 2 - QCVN 08:2023/BTNMT (Mức A, B, C, D);

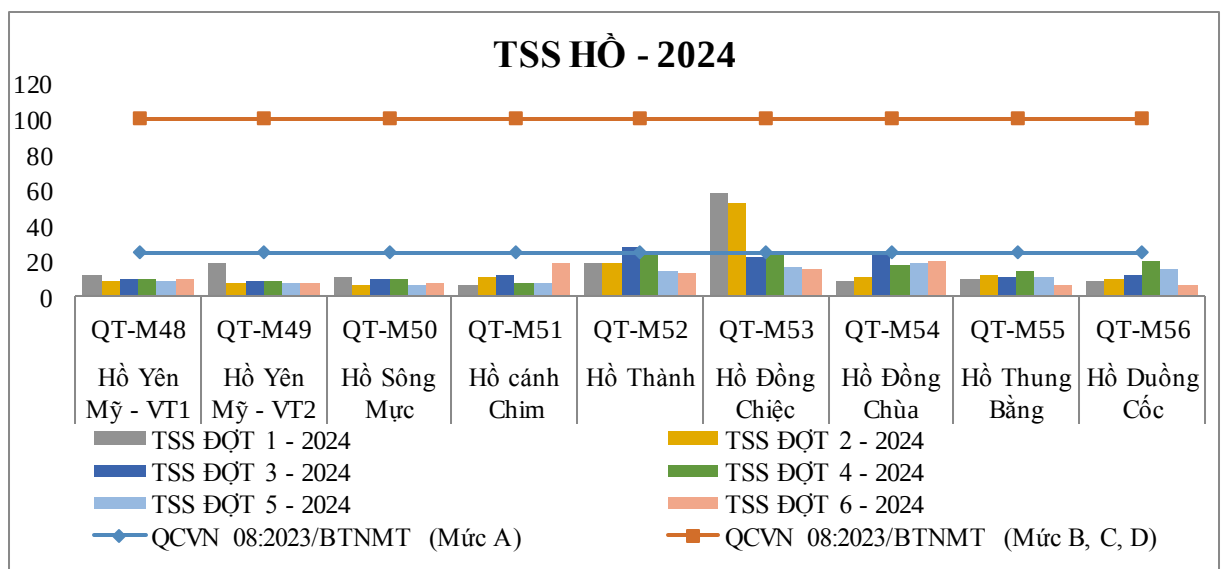


Biểu đồ 24. Hàm lượng Coliform trong hệ thống sông Đào

f. Chất lượng nước hồ

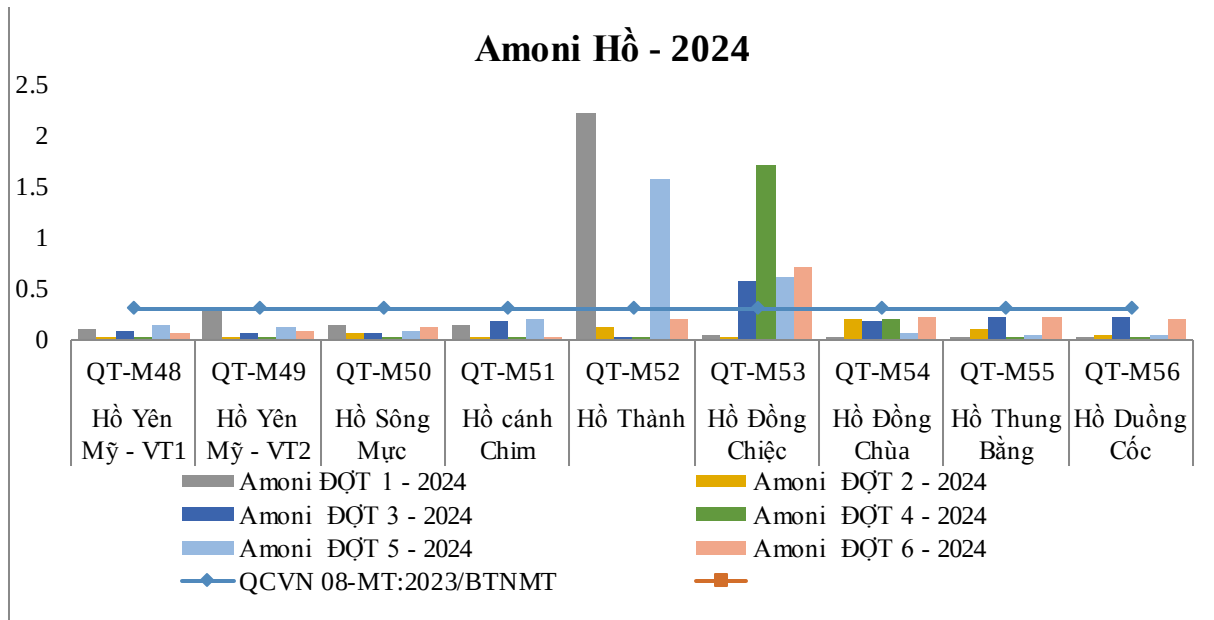
Chất lượng nước hồ năm 2024 được tiến hành quan trắc tại 9 vị trí hồ:

Hàm lượng TSS trong nước Hồ năm 2024: Đợt 4, 5, 6 chất lượng nước tại tất cả các vị trí đều đạt mức A ($<25\text{mg/L}$ - Chất lượng nước tốt); Đợt 1,2 tại vị trí QT-M53 chất lượng nước đạt mức B ($<100\text{mg/L}$ - Chất lượng nước trung bình), các vị trí còn lại đều đạt mức A ($<25\text{mg/L}$ - Chất lượng nước tốt); Đợt 3 tại vị trí QT-M52, M54 chất lượng nước đạt mức B ($<100\text{mg/L}$ - Chất lượng nước trung bình), các vị trí còn lại đều đạt mức A ($<25\text{mg/L}$ - Chất lượng nước tốt) theo Bảng 2 - QCVN 08:2023/BTNMT (Mức A, B, C, D).



Biểu đồ 25. Hàm lượng TSS trong nước Hồ

Hàm lượng Amoni trong nước Hồ năm 2024: Đợt 1 tại vị trí QT-M52 chất lượng nước cao hơn GHCP 7,36 lần; Đợt 3, 4, 6 tại vị trí QT-M53 chất lượng nước cao hơn GHCP từ 1,9 - 5,68 lần; Đợt 5 tại vị trí QT-M52, QT-M53 chất lượng nước cao hơn GHCP lần lượt là 5,24 và 2,03 lần; Đợt 2 chất lượng nước tại tất cả vị trí đều nằm trong GHCP theo Bảng 1 - QCVN 08:2023/BTNMT (Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người).



Biểu đồ 26. Hàm lượng Amoni trong nước Hồ

1.3. Môi trường đất

- Kết quả quan trắc đất có nguy cơ suy thoái do ảnh hưởng của khai thác khoáng sản năm 2024 cho thấy, tại các vị trí quan trắc (Đất nông nghiệp xã Tế Lợi, Nông Công; Đất nông nghiệp phường An Hưng) đều có xuất hiện hàm lượng các kim loại nặng, HCBVTV. Tuy nhiên, đều nằm trong giới hạn cho phép.

+ Hàm lượng các kim loại nặng (Pb, Zn, Cd, Cr, Cu, As) xuất hiện tại tất cả các vị trí và nằm trong GHCP so với QCVN 03:2023 /BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về GHCP của một số kim loại nặng trong đất).

+ HCBVTV có xuất hiện tại các vị trí phân tích nhưng với hàm lượng thấp ($<0,05\text{mg/kg}$) và nằm trong GHCP so với QCVN 15: 2008/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dư lượng hóa chất BVTV trong đất).

So sánh kết quả quan trắc đợt 3 năm 2024 với đợt 3 năm 2023 cho thấy, hàm lượng các kim loại nặng và dư lượng HCBVTV trong đất hầu như không có biến động và đều nằm trong GHCP.

- Kết quả quan trắc chất lượng đất tại các khu vực có nguy cơ ô nhiễm tổng hợp năm 2024 cho thấy, tại 04/04 vị trí quan trắc (Đất nông nghiệp xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung; Đất nông nghiệp phường Quảng Hưng, TP. Thanh Hóa; Đất nông nghiệp xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn; Đất nông nghiệp thị trấn Lam

Sơn, huyện Thọ Xuân) đều có xuất hiện hàm lượng các kim loại nặng, HCBVTV. Tuy nhiên, đều nằm trong giới hạn cho phép.

+ Hàm lượng các kim loại nặng (Pb, Zn, Cd, Cr, Cu, As) xuất hiện tại tất cả các vị trí và đều nằm trong GHCP so với QCVN 03:2023/BTNMT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về GHCP của một số kim loại nặng trong đất*).

+ HCBVTV có xuất hiện tại các vị trí phân tích nhưng với hàm lượng thấp ($< 0,05\text{mg/kg}$) và nằm trong GHCP so với QCVN 15: 2008/BTNMT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dư lượng hóa chất BVTV trong đất*).

So sánh kết quả quan trắc đợt 3 năm 2024 với đợt 3 năm 2023 cho thấy, dư lượng HCBVTV trong đất hầu như không có biến động và đều nằm trong GHCP.

1.4. Hiện trạng di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học

1.4.1. Khu bảo tồn thiên nhiên

Theo quy định tại Luật Đa dạng sinh học năm 2008 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có 11 Khu bảo tồn, gồm 01 Khu bảo tồn do Trung ương quản lý (Vườn quốc gia Cúc Phương) và 10 Khu bảo tồn do địa phương quản lý; phân loại gồm 02 Vườn quốc gia, 02 Khu Bảo tồn loài - sinh cảnh, 03 Khu Dự trữ thiên nhiên và 04 Khu Bảo vệ cảnh quan; tổng diện tích 90.162,00 ha. Đến cuối năm 2023 không có biến động tăng, giảm về số lượng các khu bảo tồn, khu di sản thiên nhiên so với năm 2022. Đề xuất đưa vào quy hoạch thời kỳ 2021-2030 Khu bảo tồn biển Hòn Mê, diện tích 6.700 ha (đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08/01/2014 về phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030). Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên đã được đưa vào Quy hoạch hệ thống các khu rừng đặc dụng theo Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hiện nay, BQL KBTTN Xuân Liên đang hoàn thiện hồ sơ để được chuyển hạng thành Vườn Quốc Gia.

1.4.2. Hành lang đa dạng sinh học

Hiện trên địa bàn tỉnh chưa có hành lang đa dạng sinh học được thành lập. Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2045. Thành lập và đưa vào hoạt động 04 hành lang đa dạng sinh học kết nối giữa khu BTTN Pù Luông - Vườn Quốc gia Cúc Phương; Pù Luông - Hang Kia - Pà Cò; Xuân Liên - Pù Hoạt; hành lang kết nối giữa hai phân khu của khu BTTN Pù Luông.

1.4.3. Khu vực đa dạng sinh học cao

Theo tiêu chí quy định tại Khoản 6, Điều 3, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, khu vực đa dạng sinh học cao tỉnh Thanh Hóa có tổng diện tích 88.656,28 ha.

1.4.4. Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học

Trên địa bàn tỉnh hiện chưa có cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học được thành lập. Đề xuất đưa vào quy hoạch thời kỳ 2021- 2030 thành lập mới 01 cơ sở: Trung tâm cứu hộ động vật Vườn quốc gia Bến En, quy mô 5,0 ha.

1.4.5. Vùng đất ngập nước quan trọng

Trên địa bàn tỉnh hiện tại chưa có vùng đất ngập nước quan trọng được công nhận. Đề xuất đưa vào quy hoạch thời kỳ 2021- 2030, công nhận 03 vùng đất ngập nước quan trọng trên địa bàn tỉnh với tổng diện tích 49.435,67 ha (diện tích mặt nước 11.991,10 ha, diện tích trên cạn 37.444,57 ha), cụ thể: Khu BTTN Xuân Liên - Hồ Cửa Đạt (diện tích trên cạn 25.601,98 ha; diện tích mặt nước 2.828,60 ha), VQG Bến En - Hồ Sông Mực (diện tích trên cạn 11.305,09 ha; diện tích mặt nước 3.000,00 ha) và Khu Bảo tồn biển Hòn Mê (diện tích trên cạn 537,5 ha; diện tích mặt nước 6.162,5 ha).

1.4.6. Đa dạng sinh học

Chương trình quan trắc tài nguyên và môi trường năm 2024, tại 19 vị trí quan trắc trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa phân tích các yếu tố thủy sinh của nước mặt như chỉ tiêu định tính (Thực vật nổi, động vật nổi, động vật đáy, tảo độc); chỉ tiêu định lượng (Thực vật nổi, động vật nổi, động vật đáy).

- Thực vật nổi

+ Thành phần loài thực vật nổi đợt 2/2024 tại các điểm quan trắc bắt gặp được 150 loài cao hơn đợt 1/2024 có 132 loài. Cả 2 đợt đều xuất hiện 5 ngành gồm Tảo Lam (Cyanophyta), Tảo Silic (Bacillarophyta), Tảo Lục (Chlorophyta), Tảo Mắt (Eulenophyta), Tảo Giáp (Pyrrophyta).

+ Mật độ loài TVN đợt 1/2024 dao động từ 1.430 tb/lít đến 22.682 tb/lít, mật độ loài trung bình là 4.966 tb/lít. Đợt 2/2024 mật độ loài trung bình là 13.138 tb/lít, mật độ loài TVN dao động từ 3.295 tb/lít đến 59.473 tb/lít.

+ Chỉ số đa dạng sinh học đợt 1/2024 dao động từ 0,97 (mức đa dạng sinh học kém) đến 2,33 (mức đa dạng sinh học khá). Chỉ số H' trung bình tại tất cả các điểm thu mẫu là 1,74 (mức đa dạng sinh học trung bình). Đợt 2/2024 dao động từ 0,74 (mức đa dạng sinh học kém) đến 2,24 (mức đa dạng sinh học khá). Chỉ số H' trung bình tại tất cả các điểm thu mẫu 1,68 (mức đa dạng sinh học trung bình).

- Động vật nổi

+ Thành phần loài động vật nổi đợt 1/2024 có tổng số 65 loài đã được ghi nhận trong đợt khảo sát; đợt 2/2024 bắt gặp 73 loài, nhiều hơn đợt 1/2024 8 loài.

+ Mật độ động vật nổi đợt 1/2024 tại các vị trí quan trắc dao động từ 1266 cá thể/m³ đến 5940 cá thể/m³. Mật độ trung bình tại các vị trí quan trắc 3836 cá thể/m³. Mật độ động vật nổi đợt 2/2024 tại các vị trí quan trắc dao động từ 1260

cá thể/m³ đến 4995 cá thể/m³. Mật độ trung bình tại các vị trí quan trắc 3204 cá thể/m³.

+ Chỉ số đa dạng sinh học trung bình (D) tại các điểm thu mẫu trong đợt 1/2024 là 2,13 (Tính đa dạng tương đối tốt), dao động từ 1,61 đến 2,46. Chỉ số đa dạng sinh học trung bình (H') tại các điểm thu mẫu trong đợt 2/2024 là 2,13 (Tính đa dạng tương đối tốt), dao động từ 1,61 đến 2,46.

- Động vật đáy

+ Thành phần loài động vật đáy đợt 1/2024 bắt gặp là 36 loài. Đợt 2/2024 bắt gặp là 35 loài.

+ Mật độ loài: Mật độ động vật đáy đợt 1/2024 dao động từ 14 cá thể/m² đến 43 cá thể/m², trung bình là 26 cá thể/m². Đợt 2/2024 dao động từ 18 cá thể/m² đến 44 cá thể/m², trung bình là 28 cá thể/m².

II. Bối cảnh chung kinh tế - xã hội và các tác động chính đến môi trường

2.1. Bối cảnh chung kinh tế - xã hội

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2024 của tỉnh được triển khai thực hiện trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, xuất hiện nhiều “điểm nóng”; áp lực lạm phát kéo dài, ảnh hưởng đến hoạt động thương mại, đầu tư, tiêu dùng. Ở trong nước, tình hình kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, các cân đối lớn được bảo đảm, sản xuất kinh doanh tiếp tục phát triển; nền kinh tế đã khẳng định sự phục hồi rõ nét, lấy lại đà tăng trưởng như giai đoạn trước dịch Covid-19, tháng sau tích cực hơn tháng trước, quý sau tốt hơn quý trước; song các khó khăn, thách thức vẫn còn rất lớn do tác động của tình hình thế giới và những hạn chế, bất cập nội tại kéo dài nhiều năm, bộc lộ rõ hơn trong khó khăn về thị trường tiêu thụ của doanh nghiệp, thị trường bất động sản, dự án đầu tư khu vực công và khu vực tư đều chậm tiến độ...; cùng với thiên tai, dịch bệnh đã ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của nền kinh tế; trong tình, thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức vẫn còn rất lớn.

Kinh tế duy trì tăng trưởng cao, trên từng lĩnh vực đều có những chuyển biến tích cực: Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn năm 2024 ước đạt 12,16%, vượt kế hoạch và đứng thứ 2 cả nước; trong đó: nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 4,17%; công nghiệp - xây dựng tăng 17,62% (công nghiệp 21,67%; xây dựng 7,71%); dịch vụ tăng 8,12%; thuế sản phẩm tăng 8,38%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ vượt 5,1% kế hoạch và tăng 14,3% so với cùng kỳ; giá trị xuất khẩu vượt 4,9% kế hoạch, tăng 23,4%; giá trị nhập khẩu tăng 20,3%; hoạt động du lịch diễn ra sôi động; tổng lượng khách du lịch năm 2024 ước đạt 15,3 triệu lượt, vượt 10,9% kế hoạch, tăng 22,5%; tổng thu du lịch vượt 4,4% kế hoạch, tăng 38%; doanh thu vận tải vượt 1,7% kế hoạch, tăng 14,5%; đặc biệt, năm 2024 thu ngân sách Nhà nước ước đạt 54.341 tỷ đồng, vượt 52,8%

dự toán, tăng 25,9% so với cùng kỳ, cao nhất từ trước đến nay, đứng đầu khu vực Bắc Trung Bộ và đứng thứ 8 cả nước.

Hoạt động đối ngoại, liên kết vùng gắn với xúc tiến đầu tư được chú trọng; hoạt động đầu tư, phát triển doanh nghiệp đạt kết quả tích cực. Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn ước đạt 138.856 tỷ đồng, bằng 102,9% KH, tăng 4,5% so với cùng kỳ; đã thu hút được 108 dự án (trong đó có 19 dự án FDI), với tổng vốn đăng ký 13.321,6 tỷ đồng và 422,9 triệu USD, gấp 1,3 lần về số dự án và tăng 15,9% về vốn đăng ký so với cùng kỳ. Các hoạt động văn hóa - xã hội tiếp tục chuyển biến tiến bộ; an sinh xã hội được đảm bảo, đời sống Nhân dân ổn định

2.2. Các tác động chính đến môi trường:

Cùng với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, các loại chất thải phát sinh ngày càng nhiều đang gây áp lực lên môi trường. Một số nút giao thông chính trong khu đô thị, khu công nghiệp vào mùa hè và hành khô có chỉ tiêu bụi và tiếng ồn vượt QCCP. Chất lượng nước mặt ở vùng trung lưu và hạ lưu một số nơi vào một vài đợt quan trắc, một vài thông số có trong nước sông cao hơn giá trị giới hạn như TSS, Amoni, Fe, Clorua. Chất thải rắn sinh hoạt chưa được phân loại tại nguồn; tỷ lệ chôn lấp chiếm gần 70%, chủ yếu là không hợp vệ sinh; hoạt động của các cơ sở chăn nuôi tập trung quy mô lớn đã và đang phát sinh mùi phân nào ảnh hưởng đến đời sống nhân dân, đặc biệt là vào mùa hè. Cơ sở hạ tầng thu gom và xử lý chất thải tập trung tại các khu đô thị, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp còn thiếu và không được đầu tư đồng bộ, dẫn đến các áp lực lên môi trường ngày càng cao, tác động xấu đến chất lượng môi trường, đa dạng sinh học.

III. Kết quả hoạt động bảo vệ môi trường

3.1. Kiểm soát nguồn ô nhiễm:

a) BVMT các Khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề:

- Công tác BVMT tại Khu kinh tế, khu công nghiệp:

Theo quy hoạch trên địa bàn tỉnh 01 Khu kinh tế Nghi Sơn, 08 Khu công nghiệp (KCN Lễ Môn, KCN Đình Hương - Tây Bắc Ga, KCN Bỉm Sơn, KCN Hoàng Long, KCN Lam Sơn - Sao Vàng, KCN Thạch Quảng, KCN Bãi Trành và KCN Ngọc Lặc). Trong đó, 01 Khu kinh tế và 04/8 KCN đang hoạt động.

Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu Công nghiệp hiện đã thu hút được 423 cơ sở, doanh nghiệp vào hoạt động. Có 02 KCN đã xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung: KCN Lễ Môn (công suất 1.300 m³/ngày đêm) và KCN Bỉm Sơn (khu A) (tổng công suất 6000 m³/ngày đêm, thực tế hiện đang hoạt động với công suất: 1.500 m³/ngày đêm). Các KCN còn lại hiện trạng đầu tư như sau:

- KCN Bỉm Sơn (khu B): Đã xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung công suất 490 m³/ng.đêm.

- KCN Hoàng Long: Hầu hết các dự án đầu tư thứ cấp đã đầu tư xây dựng và vận hành trạm xử lý nước thải, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.

- KCN Đình Hương - Tây Bắc Ga: Khu công nghiệp (KCN) Đình Hương - Tây Bắc Ga được UBND tỉnh thành lập tại Quyết định số 913/QĐ-UBND ngày 21/3/2013 trên cơ sở sáp nhập KCN Đình Hương và KCN Tây Bắc Ga (gồm 02 giai đoạn) với 03 khu vực:

+ KCN Đình Hương (diện tích 28,85 ha): Tại khu vực này không có chủ đầu tư hạ tầng, hệ thống các hạng mục hạ tầng kỹ thuật như đường giao thông (các trục đường giao thông được nâng cấp, cải tạo từ quốc lộ 1A cũ, đường từ ngã ba Đình Hương đi huyện Đông Sơn...), điện chiếu sáng, khu xử lý nước thải...chưa đồng bộ. Vì vậy, các doanh nghiệp tại KCN Đình Hương tự đầu nối điện, nước, xử lý nước thải nội bộ và xả thải ra sông Cầu Hạc.

+ KCN Tây Bắc Ga giai đoạn 1 (diện tích 121,71 ha) được đầu tư hạ tầng theo hình thức đổi đất lấy hạ tầng với Công ty TNHH Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Bình Minh. KCN Tây Bắc Ga giai đoạn 1 đã xây dựng xong Hệ thống XLNT 1.000 m³/ngày.đêm. Hiện nay, Ban Quản lý KKT nghi Sơn và Các KCN đang hoàn thiện các hồ sơ thủ tục theo quy định để cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tập trung và đồng bộ về hạ tầng thu gom toàn bộ nước thải của các Doanh nghiệp trong KCN để trạm xử lý nước thải tập trung vận hành chính thức.

+ KCN Tây Bắc Ga giai đoạn 2 (diện tích 49,55 ha) được UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương cho Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Phúc Hưng đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật tại Công văn số 6803/UBND-TH ngày 09/12/2010 với số vốn đăng ký 407,1 tỷ đồng, theo đó, lượng nước thải phát sinh của các nhà đầu tư thực hiện đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của giai đoạn 1.

- KCN Lam Sơn - Sao Vàng: Hiện tại Chủ đầu tư đang trong giai đoạn Giải phóng mặt bằng và triển khai các thủ tục đầu tư xây dựng. KCN Thạch Quảng, KCN Bãi Trành và KCN Ngọc Lặc chưa có chủ đầu tư hạ tầng.

- *Công tác BVMT tại CCN:*

Đến nay, đã có 47 CCN được thành lập do doanh nghiệp làm Chủ đầu tư (UBND tỉnh đã thu hồi 02 CCN: CCN số 2 TT Quán Lào, huyện Yên Định và CCN Phúc Thịnh, huyện Ngọc Lặc; 01 CCN đang tạm dừng thực hiện do nằm trong phạm vi nghiên cứu khu di tích lịch sử - văn hóa Thành Hoàng Nghiêu (CCN Hoàng Sơn, huyện Nông Cống). Hiện nay, có 44 CCN đang thực hiện đầu tư với tổng diện tích 1.557,64ha; vốn đầu tư đăng ký là 10.916,9 tỷ đồng, lũy kế vốn đầu tư 3.213 tỷ đồng, cụ thể: Khu vực Đồng bằng: 21 CCN, với tổng diện tích 781,3 ha; khu vực Ven biển: 12 CCN, với tổng diện tích 363,8 ha; khu vực Miền núi: 11 CCN. Tình hình đầu tư như sau:

- Nhóm CCN đã hoàn thành đầu tư hạ tầng, đã thu hút được dự án thứ cấp đầu tư gồm: CCN thị trấn Vạn Hà; CCN Thái Thắng.

- Nhóm 03 CCN đã cơ bản hoàn thành hạ tầng CCN theo giai đoạn, đủ điều kiện thu hút dự án thứ cấp đầu tư gồm: CCN Bắc Hoàng Hóa; CCN Hòa Lộc; CCN thị trấn Quán Lào

- Nhóm CCN đã hoàn thành GPMB toàn bộ dự án hoặc theo giai đoạn, được UBND tỉnh cho thuê đất giao đất (hoặc đang xin thuê đất); đã được cấp GCN quyền sử dụng đất (hoặc đang xin cấp GCN quyền sử dụng đất); đang đầu tư hạ tầng, gồm 23 CCN: CCN Đông Văn; CCN Xuân Hòa; CCN Thượng Ninh; CCN Điền Trung; CCN Xuân Lai; CCN phía Đông Bắc TPTH; CCN Vĩnh Minh; CCN làng nghề Tiến Lộc; CCN Tượng Lĩnh; CCN Thọ Nguyên; CCN Ngọc Vũ; CCN số 2 Vạn Hà; CCN Vân Du; CCN Thọ Minh; CCN Tư Sy; CCN Cẩm Sơn; CCN Liên Hoa; CCN Quảng Châu - Quảng Thọ; CCN Hậu Hiền; CCN Cẩm Châu; CCN Tam Linh; CCN Quảng Yên; CCN Hợp Thắng

- Nhóm 03 CCN đã hoàn thành thủ tục đầu tư, đang tiến hành đền bù GPMB: CCN Cống Trúc; CCN Hà Long I; CCN Quảng Nham

- Nhóm CCN đang hoàn thiện thủ tục đầu tư; chưa thực hiện GPMB: CCN Vĩnh Hòa; CCN Khe Hạ; CCN Hải Long - Xuân Khang; CCN Minh Tiến; CCN Cầu Quan; CCN Thạch Bình; CCN Bãi Trành; CCN Đông Ninh; CCN Dân Lý - Dân Lực - Dân Quyền; CCN phía Tây Nam TP Thanh Hóa; CCN Thuần Lộc Thạch.

- Công tác BVMT làng nghề:

Hiện nay, toàn tỉnh có 31 làng nghề và 61 làng nghề truyền thống đã được công nhận, chủ yếu tập trung vào những nhóm nghề chiếu cói; mây tre đan; nghề mộc; chế biến thủy hải sản; rèn, đúc đồng; bánh, nem giò chả và men rượu, nấu rượu. Hầu hết các làng nghề và làng nghề truyền thống được công nhận đã có Phương án bảo vệ môi trường theo yêu cầu tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; có tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường làng nghề tại các xã; đã đầu tư hạ tầng hệ thống thu gom, thoát nước mưa; đã thực hiện công tác thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, rác thải là vỏ bao bì, hóa chất BVTV sau sử dụng... Tại các hộ trong làng nghề đã chủ động xây dựng các công trình thu gom, xử lý nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động.

b) BVMT khu vực đô thị

Hiện nay, Thanh Hóa có 01 đô thị loại I (*thành phố Thanh Hóa*), 02 đô thị loại III (*thành phố Sầm Sơn, thị xã Bỉm Sơn*); 01 đô thị loại IV và 30 đô thị loại V. Có 03 đô thị (*thành phố Thanh Hóa, thành phố Sầm Sơn và thị xã Bỉm Sơn*) đã được đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung, bước đầu đưa vào vận hành giải quyết một phần nhỏ tình trạng ô nhiễm môi trường do nước thải sinh hoạt. Công tác thu gom, xử lý CTR sinh hoạt được nhiều địa

phương triển khai có hiệu quả. CTR sinh hoạt sau khi thu gom được xử lý bằng hai hình thức chủ yếu là chôn lấp và đốt.

Công tác di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong khu dân cư, khu đô thị vào các KCN, CNN, khu sản xuất tập trung trên địa bàn tỉnh: Trong thời gian qua, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng Đề án di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường ra khỏi đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030; đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 24/4/2024.

c) BVMT khu vực nông thôn

Hiện nay, hơn 70% dân số của tỉnh sống ở khu vực nông thôn. Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, UBND tỉnh giao Sở TNMT nhiệm vụ tham mưu, thực hiện tiêu chí về môi trường. Đến nay, có nhiều địa phương quan tâm đến công tác BVMT nông thôn, ý thức BVMT của người dân đã và đang dần đi vào nề nếp, đã quan tâm đến việc thu gom, xử lý rác thải, cải tạo cảnh quan môi trường, trồng hoa, cây xanh dọc hai bên đường, trong khu dân cư, xây dựng đồng bộ mương rãnh thoát nước,...; khoan giếng nước hợp vệ sinh để phục vụ sinh hoạt, xây dựng nhà tiêu, nhà tắm hợp vệ sinh. Năm 2024 tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh ước đạt khoảng 98% (tăng 0,5% so với năm 2023), trong đó tỷ lệ số hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế ước đạt khoảng 64%, hoàn thành mục tiêu, kế hoạch đã đề ra

Các địa phương thực hiện xây dựng kế hoạch hoặc ban hành các hướng dẫn hộ gia đình tự phân loại rác tại nguồn; trong đó, giao nhiệm vụ cụ thể cho các xã, phường, thị trấn xây dựng phương án thu gom, phân loại rác tại địa phương. Đây là cơ sở để thực hiện thu gom, phân loại rác tại nguồn.

Các cơ sở, hộ gia đình, cá nhân được hướng dẫn, khuyến khích thực hiện đồng bộ các biện pháp BVMT, đảm bảo vệ sinh và an toàn sinh học như: sử dụng đệm lót sinh học, chế phẩm sinh học; công nghệ chăn nuôi giảm chất thải, công nghệ xử lý chất thải tiên tiến, công nghệ khí sinh học biogas.

d) Việc lắp đặt trạm quan trắc tự động, liên tục của các cơ sở sản xuất, kinh doanh:

Trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa hiện tại có 26 đơn vị đã lắp đặt trạm quan trắc khí thải, nước thải tự động, liên tục. Với số lượng 115 trạm quan trắc tự động liên tục, trong đó: Trạm quan trắc nước thải 27 trạm; trạm quan trắc khí thải 85 trạm; 02 trạm quan trắc môi trường không khí; 01 trạm quan trắc môi trường nước biển góp phần tăng hiệu quả giám sát chất lượng chất thải trước khi thải ra môi trường tại các cơ sở. Các trạm do chủ nguồn thải đầu tư đã thực hiện kiểm soát chất lượng của hệ thống trước khi đưa vào vận hành chính thức và định kỳ thực hiện 1 lần/năm bởi đơn vị độc lập có đủ năng lực; Các cơ sở thực hiện quản lý, vận hành và đảm bảo hệ thống theo quy định tại quy trình vận hành chuẩn SOP; hồ sơ quản lý, vận hành trạm, nhật ký vận hành trạm, kiểm định/hiệu chuẩn định kỳ...Hồ sơ về quản lý hệ thống trạm quan trắc tự động, liên tục do

chủ nguồn thải đầu tư, được nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường và được kiểm tra thực tế, dán tem niêm phong đối với datalogger, thiết bị lấy mẫu tự động và đồng ý tiếp nhận dữ liệu quan trắc tự động, liên tục từ các trạm nguồn thải.

Tổng hợp số liệu các nguồn ô nhiễm chi tiết tại Phụ lục I kèm theo.

3.2. Quản lý chất thải và phế liệu:

a) Chất thải rắn sinh hoạt

Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt (CTRSR) phát sinh trong năm 2024 ước khoảng: 914.351,3 tấn (tương đương 2.505 tấn/ngày), khối lượng rác thu gom và xử lý là 842.117,6 tấn (tương đương 2.307,2 tấn/ngày), đạt 92,1%; trong đó, khối lượng CTRSH được xử lý bằng công nghệ đốt là 213.932,2 tấn (đạt 25,4 %), khối lượng CTRSH được xử lý bằng biện pháp chôn lấp là 527.321,1 tấn (đạt 62,6 %), khối lượng CTRSH được tái chế, xử lý khác là 101.868,3 tấn (đạt 12,0 %); phần CTRSH chưa thu gom tập trung được UBND các huyện hướng dẫn người dân tự thu gom, xử lý tại chỗ.

Qua thống kê có 18 địa phương có tỷ lệ thu gom, xử lý đạt từ 90% đến dưới 100% (TP Thanh Hóa, TP Sầm Sơn, TX Bim Sơn, TX Nghi Sơn, các huyện: Thọ Xuân, Đông Sơn, Nông Cống, Triệu Sơn, Hà Trung, Yên Định, Thiệu Hoá, Vĩnh Lộc, Quảng Xương, Hoằng Hoá, Hậu Lộc, Nga Sơn, Như Xuân, Như Thanh); có 09 địa phương có tỷ lệ thu gom, xử lý đạt từ 70 - 90% (huyện: Thạch Thành, Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, Như Thanh, Lang Chánh, Bá Thước, Quan Hóa, Quan Sơn, Mường Lát). Tỷ lệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng phương pháp đốt giảm 4,2 % và tỷ lệ chôn lấp giảm 4,5% so với kế hoạch đề ra, nguyên nhân do UBND các huyện đang triển khai các mô hình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 17655/UBND-NN ngày 21/11/2023 nên khối lượng CTRSH được tái chế tăng lên, đạt 12 % (năm 2023 đạt 4,7%).

b) Chất thải rắn (CTR) công nghiệp

CTR công nghiệp thông thường trên địa bàn tỉnh được các cơ sở sản xuất, kinh doanh thu gom, phân loại tại nguồn nhằm tăng khả năng tái chế, tái sử dụng các nguồn chất thải cho cơ sở và các ngành khác, cụ thể: *Ngành mía đường tận dụng bã mía đốt phát điện, bùn mía làm phân bón; xỉ than, tro bay của các nhà máy nhiệt điện sử dụng làm gạch không nung và làm nguyên liệu đầu vào cho nhà máy xi măng; ngành may mặc tận dụng vải thừa đốt thu hồi nhiệt phục vụ sản xuất,...* Các loại chất thải còn lại được hợp đồng với đơn vị có chức năng đem đi xử lý. Khối lượng chất thải công nghiệp được tái chế, tái sử dụng khoảng 93%; hợp đồng với các đơn vị có chức năng đem đi xử lý khoảng 7%.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 05 cơ sở được phép xử lý CTR công nghiệp thông thường là Công ty TNHH Ecotech Thanh Hóa; Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ môi trường xanh Hoàng Hải Hà (chủ yếu xử lý rác thải công nghiệp của cơ sở sản xuất may mặc trên địa bàn tỉnh bằng công nghệ đốt); Công

ty cổ phần Môi trường Nghi Sơn, Công ty Cổ phần môi trường Việt Thảo (thu gom, tái chế CTR công nghiệp và xử lý chất thải công nghiệp bằng công nghệ đốt); Công ty Xi măng Nghi Sơn (đồng xử lý chất thải trong lò nung xi măng).

c) Chất thải nguy hại:

Các cơ sở sản xuất kinh doanh phát sinh lượng CTNH với khối lượng lớn đã hợp đồng với cơ sở đã được cấp phép xử lý chất thải nguy hại để thu gom xử lý. Công tác thu gom, xử lý CTNH của các cơ sở phát sinh lượng nhỏ và CTNH phát sinh từ sinh hoạt cũng đã từng bước đi vào nề nếp. Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý tính đến hết năm 2024 đạt 84%.

Trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có 03 đơn vị được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép xử lý chất thải nguy hại (Công ty Cổ phần Môi trường Nghi Sơn; Công ty cổ phần môi trường Việt Thảo và Công ty xi măng Nghi Sơn). Các chủ nguồn thải CTNH ký hợp đồng với các đơn vị được cấp phép xử lý CTNH, định kỳ vận chuyển xử lý.

d) Chất thải rắn y tế

Hiện nay, trên địa bàn toàn tỉnh có 1.785 cơ sở hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tư nhân, trong đó: 20 bệnh viện đa khoa và chuyên khoa; 1.765 phòng khám đa khoa, chuyên khoa và cơ sở dịch vụ y tế. Số cơ sở kinh doanh được là 4.195 bao gồm: 04 công ty sản xuất, 101 công ty phân phối, 84 cơ sở bán lẻ dược liệu, 840 nhà thuốc và 3.357 quầy thuốc. Bệnh viện tư nhân hiện có tổng số 4.021 giường bệnh nội trú, chiếm 25,4% số giường bệnh toàn tỉnh.

Tổng khối lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh năm 2024 là: 620.469 kg, trong đó tổng khối chất thải lây nhiễm phát sinh là: 612.678 kg, khối lượng chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm phát sinh 7.791 kg. Công tác thu gom, xử lý rác thải và nước thải y tế duy trì kết quả tốt. Ngành Y tế đã đầu tư và duy trì hoạt động các hệ thống xử lý chất thải rắn tại các bệnh viện công lập trên địa bàn tỉnh gồm 9 cụm xử lý CTR y tế tập trung theo công nghệ thân thiện với môi trường (*vi sóng, khử khuẩn kết hợp với nghiền cắt*). Đa số chất thải rắn y tế nguy hại tại các cơ sở y tế được thu gom và xử lý tại 9 cụm nêu trên; một số chất thải y tế nguy hại không xử lý theo mô hình cụm được các đơn vị ký hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải với các đơn vị, doanh nghiệp đủ điều kiện xử lý. Tỷ lệ chất thải y tế nguy hại được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn đạt 100%. Tuy nhiên, việc thu gom, vận chuyển chất thải y tế nguy hại tại các trạm y tế, các phòng khám tư nhân, các cơ sở y tế miền núi có số lượng phát sinh chất thải y tế nguy hại ít, xa địa điểm thu gom xử lý chất thải gặp nhiều khó khăn.

Trong năm 2024, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 về việc ban hành quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

e) Quản lý phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất:

Trên địa bàn tỉnh hiện có 07 cơ sở nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép: Công ty cổ phần giấy Mục Sơn; Công ty cổ phần giấy Lam Sơn; Công ty TNHH MIZA Nghi Sơn; Công ty cổ phần Vận tải và Khai thác khoáng sản Xuân Hòa; Công ty cổ phần Gang thép Nghi Sơn; Công ty TNHH Nhựa Song Hà; Công ty Cổ phần Giấy Koryo Việt Nam.

Tổng khối lượng phế liệu nhập khẩu ngoài nước tại 07 cơ sở trong năm 2024 là: 1.488.794,623 tấn.

Các loại phế liệu nhập khẩu bao gồm: Giấy loại, bìa; Phế liệu PP, PE; mảnh vụn của sắt, thép.

Tổng hợp số liệu về công tác quản lý chất thải và phế liệu tại Phụ lục II kèm theo

3.3. Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường:

- Hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá có 05 điểm tồn lưu hóa chất BVTV gồm: Kho vật tư nông nghiệp cũ Quyết Thắng 2, thôn Quyết Thắng 2, xã Nguyên Bình, thị xã Nghi Sơn; Khu vực tồn lưu hóa chất BVTV nhà máy hóa chất Trung Hưng, phố Trung Sơn, phường An Hưng, TP Thanh Hóa; Kho chứa hóa chất BVTV, Kho Đình thôn 1, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc; Kho chứa hóa chất BVTV tại Trạm bảo vệ thực vật Cổ Diệp, xã Vĩnh Phúc, huyện Vĩnh Lộc; Điểm tồn lưu hóa chất BVTV kho vật tư nông nghiệp cũ, thôn Thiện Na, xã Vạn Hòa, huyện Nông Cống đã đưa vào nhiệm vụ điều tra, đánh giá chi tiết và lập phương án xử lý, cải tạo phục hồi môi trường đất trên địa bàn tỉnh. Hiện UBND tỉnh đang giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng phương án điều tra, đánh giá chi tiết 05 điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu để xác định phạm vi, mức độ ô nhiễm làm cơ sở lập dự án xử lý triệt để ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo quy định.

- Công tác BVMT trong hoạt động khai thác khoáng sản được tập trung chỉ đạo quyết liệt nhằm ngăn chặn và chấn chỉnh kịp thời hoạt động khai thác khoáng sản trái phép, gây xói lở bờ sông, thay đổi dòng chảy, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống người dân. Năm 2024, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản năm 2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tại Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 10/4/2024, giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thực hiện. Theo đó, Sở đã tổ chức kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản đối với 51 cơ sở. Qua đó, đã phát hiện và xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với 04 cơ sở, số tiền 79 triệu đồng tổ chức vi phạm góp phần ngăn chặn, đẩy lùi các hoạt động khai thác, vận chuyển và kinh doanh khoáng sản trái phép trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai Quyết định số 92/QĐ-TTg ngày 24/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; yêu cầu thực hiện kịp thời, hiệu quả để phục vụ công tác quản lý tại các khu vực cấm,

khu vực tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định. Công tác quản lý nhà nước trong hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh được thực hiện nghiêm túc các quy định có liên quan trong lĩnh vực quản lý nhà nước về quy hoạch, thăm dò khảo sát, đấu thầu, quản lý, cấp phép, khai thác, gia hạn nâng công suất khai thác, vận chuyển và xử lý vi phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản; công tác quản lý thực hiện tận thu đất thừa trong quá trình thi công phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt để làm vật liệu san lấp. Trong năm 2024, các đơn vị khai thác khoáng sản đã thực hiện việc ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường với tổng số tiền là 24.191.709.014 đồng, đây là nguồn kinh phí cần thiết đảm bảo khôi phục môi trường sau khi kết thúc hoạt động khai thác.

Số liệu về tình hình phát sinh, thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn tại Phụ lục III kèm theo.

3.4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

Trong năm 2024, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa không xảy ra sự cố môi trường và không có các thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân về sự cố ô nhiễm môi trường trên địa bàn.

3.5. Kết quả về việc di dời dân cư sinh sống trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (nếu có); lộ trình chuyển đổi các làng nghề thành cụm công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường.

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa đã phê duyệt Đề án Di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 tại Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 24/4/2024; trong đó, giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh triển khai thực hiện kế hoạch.

Theo đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Văn bản số 5551/STNMT-BVMT ngày 24/6/2024 đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Đề án di dời nêu trên; báo cáo kết quả thực hiện về Sở trước ngày 15/01 của năm tiếp theo. Căn cứ kết quả số liệu tổng hợp các cơ sở sản xuất, kinh doanh của UBND các huyện, thị xã, thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan khảo sát, xác định cụ thể các cơ sở gây ô nhiễm môi trường thuộc các đối tượng phải xử lý (di dời/giảm quy mô, công suất/đầu tư công trình bảo vệ môi trường) đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường (là các tổ chức, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất của UBND tỉnh) trong đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh; triển khai xây dựng kế hoạch triển khai phương án xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường (là các tổ chức, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất của UBND tỉnh) trong đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh.

3.6. Bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học:

a) Triển khai Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học:

Ngày 27/2/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 153/QĐ-TTg về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó có nội dung về Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học. Hiện nay, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Thực hiện Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Ngày 6/2/2023, UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch số 20/KH-UBND về kế hoạch hành động về bảo tồn đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

b) Phát triển, mở rộng hệ thống di sản thiên nhiên, khu bảo tồn thiên nhiên và các danh hiệu quốc tế về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Trên cơ sở các quy hoạch được phê duyệt (Căn cứ Quyết định số 3093/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Phương án bảo tồn và phát triển bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên, giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 3025/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 3093/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án bảo tồn và phát triển bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên, giai đoạn 2021-2030); Căn cứ Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 3/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Phương án chuyển hạng Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên thành Vườn Quốc gia Xuân Liên. Đến nay BQL Khu BTTN Xuân Liên đang hoàn thiện trình tự, thủ tục trình UBND tỉnh Thanh Hóa báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT về đề xuất nâng hạng Khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên thành Vườn quốc gia Xuân Liên.

c) Bảo tồn loài hoang dã nguy cấp, nguy hiểm.

Trên địa bàn toàn tỉnh hiện có 39 loài (04 loài thực vật, 35 loài động vật) thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ tại Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ; 02 loài thuộc Danh mục các loài đặc hữu. Đến cuối năm 2024 không có biến động tăng, giảm về số lượng các khu bảo tồn thiên nhiên, các loài đặc hữu so với năm 2023.

Chi tiết theo Phụ lục IV đính kèm

d) Quản lý nguồn gen và an toàn sinh học.

Năm 2024 số lượng nguồn gen quý, có giá trị: 565 nguồn gen; Số lượng nguồn gen quý, có giá trị được phục hồi: 39 nguồn gen. Năm 2023 không có biến động tăng, giảm về số lượng nguồn gen quý, có giá trị cũng như nguồn gen được phục hồi so với năm 2023.

e) Phục hồi, phát triển hệ sinh thái tự nhiên.

Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn các hành vi săn, bắt, bẫy bắt, giết mổ, vận chuyển, kinh doanh, tiêu thụ bất hợp pháp các loài động vật hoang dã; Quản lý, kiểm soát loài ngoại lai xâm hại trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện các giải pháp phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học; bảo tồn hiệu quả các loài và nguồn gen; áp dụng các giải pháp dựa vào thiên nhiên để giảm nhẹ tác động từ sự phát triển kinh tế - xã hội tới các hệ sinh thái như: Tổ chức các hoạt động làm vệ sinh môi trường, trồng cây xanh, thu gom xử lý chất thải...

Số liệu về bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học tại Phụ lục IV kèm theo.

IV. Xây dựng chính sách, pháp luật, giải quyết thủ tục hành chính, giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường

4.1. Xây dựng chính sách, pháp luật, văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện Luật Bảo vệ môi trường:

Trong năm 2024, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 về việc ban hành quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Văn bản số 11050/UBND-NN ngày 31/7/2024 về việc tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Bên cạnh đó, UBND các huyện thị xã đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Bảo vệ môi trường trên địa bàn quản lý.

- Đánh giá chung:

Việc xây dựng và thực thi các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đảm bảo kịp thời, cập nhật thường xuyên các văn bản hướng dẫn để các cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện. Tuy nhiên, việc thực thi pháp luật vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế do:

** Nguyên nhân khách quan*

- Ý thức chấp hành Luật BVMT của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và một bộ phận nhân dân còn kém; vi phạm trong lĩnh vực BVMT vẫn còn diễn ra. Tại các trang trại chăn nuôi gia súc quy mô lớn, việc xử lý triệt để mùi hôi chuồng trại còn khó khăn do hiện nay chưa có công nghệ phù hợp với điều kiện kinh tế chăn nuôi của các cơ sở.

- Kinh phí đầu tư cho BVMT còn thiếu do ngân sách của tỉnh còn hạn chế, nhiều dự án đã được phê duyệt nhưng thiếu kinh phí để thực hiện, đặc biệt là các dự án về xử lý chất thải rắn, xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích; các dự án xử lý nước thải KCN, CCN.

** Nguyên nhân chủ quan*

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BVMT ở cấp cơ sở chưa được thường xuyên, liên tục còn mang tính thời điểm, chỉ tập trung vào các ngày Lễ về môi trường; chưa phát huy hết vai trò của đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội cũng như các phong trào quần chúng tham gia công tác BVMT;

- Công tác thanh tra, kiểm tra chỉ được thực hiện 1 lần/năm theo quy định. Trước khi kiểm tra phải thông báo kế hoạch làm việc đến cơ sở và các thành phần có liên quan, nên cơ sở, doanh nghiệp thường chủ động, có tính chất đối phó với đoàn thanh, kiểm tra.

- Công tác quản lý địa bàn của cấp xã, cấp huyện chưa sâu sát. Trách nhiệm chưa cao trong việc giám sát các đơn vị thực hiện các kết luận sau thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chuyên; chưa chủ động thanh, kiểm tra các cơ sở sản xuất trên địa bàn để kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm, xử lý vi phạm pháp luật về BVMT.

- Chủ đầu tư các dự án nhà máy xử lý chất thải rắn triển khai dự án còn chậm so với kế hoạch.

4.2. Giải quyết thủ tục hành chính:

Các hồ sơ môi trường đều được thẩm định đảm bảo chất lượng, không có trường hợp giải quyết quá thời hạn quy định; thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn các chủ đầu tư, các doanh nghiệp lập hồ sơ môi trường theo quy định. Trong năm 2024, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM cho 120 dự án; tham mưu UBND tỉnh thẩm định Giấy phép môi trường cho 121 dự án, cơ sở.

Ban Quản lý KKT Nghi Sơn đã tổ chức thẩm định và phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM đối với 25 dự án (trong đó đã phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM cho 22 dự án); thẩm định Báo cáo đề xuất cấp GPMT và cấp Giấy phép môi trường cho 24 dự án/cơ sở. Đây là cơ sở pháp lý để các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện kiểm tra, giám sát, đồng thời để các cơ sở, doanh nghiệp nâng cao trách nhiệm, thực hiện tốt công tác BVMT tại cơ sở.

Chi tiết hồ sơ về môi trường đã phê duyệt trong năm tại Phụ lục V kèm theo.

4.3. Giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường:

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thường xuyên được đổi mới có trọng tâm, trọng điểm gắn với việc giải quyết những vấn đề bức xúc về môi trường; xử phạt nghiêm các đối tượng vi phạm để răn đe và tạo dư luận buộc các cơ sở đang hoạt động sản xuất, kinh doanh phải quan tâm đầu tư cho môi trường. Trong năm 2024, Sở Tài nguyên và Môi trường và BQL KKT Nghi Sơn và các KCN đã xử lý và tham mưu xử lý vi phạm hành chính về môi trường đối với 26 đơn vị, tổng số tiền xử phạt là 3.183.000.000 đồng; đã áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với các đơn vị vi phạm, trong đó có các biện pháp có tính răn đe như đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc dừng các công đoạn sản xuất gây ô nhiễm môi trường.

Chi tiết cơ sở thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm tại Phụ lục VI kèm theo.

4.4. Tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường:

Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm về BVMT được các cấp ủy đảng, chính quyền của tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và nhân dân, huy động được sự tham gia của các cấp, các ngành và toàn xã hội với nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng, nội dung phong phú.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 30/5/2024 về Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Quốc tế Đa dạng sinh học và Ngày Môi trường thế giới, Tháng hành động vì môi trường năm 2024, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Theo đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể; UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức kiểm tra, giám sát, hướng dẫn tổ chức các hoạt động hưởng ứng hưởng ứng Ngày Quốc tế Đa dạng sinh học và Ngày Môi trường thế giới, Tháng hành động vì môi trường năm 2024, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Một số hoạt động tuyên truyền cụ thể như sau:

- Tổ chức chiến dịch tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng với các chủ đề: Ngày Quốc tế đa dạng sinh học với chủ đề “Be part of the Plan” - “Hãy là một phần của Kế hoạch đa dạng sinh học”; Ngày Môi trường thế giới với chủ đề “Phục hồi đất, chống hạn hán và sa mạc hoá” (Land restoration, desertification and drought resilience)”.

- Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, bài viết, phóng sự... Vận động người dân thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường bảo vệ biển và hải đảo, bảo vệ đa dạng sinh học nhân sự kiện hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới, Ngày Quốc tế Đa dạng sinh học năm 2024. giúp cộng đồng dân cư hiểu rõ ý nghĩa chủ đề Ngày Môi trường thế giới, Ngày Quốc tế Đa dạng sinh học năm 2024, nhằm nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành, các tổ chức và các tầng lớp nhân dân về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường, bảo vệ biển và hải đảo với đời sống của con người; kêu gọi mọi người cùng nhau thay đổi thói quen tiêu dùng và thải bỏ chất thải nhựa. Thông qua đó, huy động cộng đồng cùng tham gia bảo vệ môi trường, bảo vệ thiên nhiên, tập trung giải quyết các điểm nóng về ô nhiễm môi trường, bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên đất đai.

- Tổ chức treo băng rôn, áp phích tuyên truyền công tác BVMT; bảo vệ biển và hải đảo và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên nhằm nâng cao nhận thức về giá trị tài nguyên thiên nhiên (ngăn chặn ô nhiễm môi trường, sử dụng hiệu quả và tái sử dụng nguồn nước, giảm thiểu sử dụng đồ dùng làm bằng nhựa sử dụng một lần...). Thông qua đó, nhắc nhở người dân cùng hành động bảo vệ môi trường, bảo vệ thiên nhiên; tạo điều kiện cho mọi tổ chức, cá nhân và cộng đồng thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia BVMT, bảo tồn đa dạng sinh học bằng các việc làm cụ thể.

- Triển khai tuyên truyền hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới, Ngày Quốc tế Đa dạng sinh học năm 2024 vào các tiết sinh hoạt tập thể tại các trường học, các buổi tọa đàm; trong đó, lồng ghép nội dung giáo dục bảo vệ môi trường, bảo vệ biển và hải đảo, sử dụng hạn chế sử dụng các sản phẩm làm bằng nhựa vào các môn liên quan và các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp nhằm nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường cho lứa tuổi học sinh.

- Phát động các hoạt động hưởng ứng Ngày Quốc tế Đa dạng sinh học và Ngày Môi trường thế giới, Tháng hành động vì môi trường năm 2024; ra quân vệ sinh môi trường trên địa bàn. Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa phối hợp với UBND huyện Thường Xuân tổ chức Lễ phát động hưởng ứng Ngày Quốc tế Đa dạng sinh học và Ngày Môi trường thế giới, Tháng hành động vì môi trường năm 2024 tại Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên, huyện Thường Xuân; tổ chức trao tặng thùng phân loại rác thải sinh hoạt cho xã Xuân Cao, huyện Thường Xuân; trao tặng phân bón cây xanh và trồng cây tại Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên; phối hợp với UBND huyện Ngọc Lặc tổ chức lớp tập huấn về bảo vệ môi trường cho các xã, thị trấn trên địa bàn huyện và tổ chức tại xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc với chủ đề “Hướng dẫn làm men vi sinh xử lý rác thải để phân huỷ thành phân bón hữu cơ quy mô hộ gia đình”; đồng thời, trao tặng các hộ dân thùng phân loại rác thải tại gia đình.

Kết quả đến nay, 100% huyện đã thực hiện các hoạt động phát động ra quân tổng vệ sinh môi trường trên địa bàn toàn tỉnh hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới, Ngày 4 Quốc tế Đa dạng sinh học, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam và Ngày Đại dương thế giới năm 2024; 100% các huyện phát động chiến dịch tổng vệ sinh môi trường thu hút gần 786.000 người tham gia. Các hoạt động truyền thông đạt được nhiều kết quả tích cực như: Đăng tải hơn 300 tin, bài, ảnh cấp tỉnh các loại; gần 1.200 bản tin trên đài phát thanh cấp huyện; 02 phóng sự tuyên truyền trên đài phát thanh và truyền hình Thanh Hóa; cấp xã tuyên truyền về BVMT 02 buổi/ngày (trong Tháng hành động về môi trường). Treo gần 2.000 băng rôn tại cổng cơ quan, đơn vị và trên các trục đường chính, nơi công cộng. Sau các buổi phát động, chiến dịch đã tổ chức khơi thông hơn 500 km cống rãnh; phát quang hơn 500 km bụi rậm; tổng diện tích khu vực công cộng, đường giao thông, bãi biển làm vệ sinh môi trường: 1.500 ha; bảo dưỡng, sửa chữa gần 1.000 giếng nước; tổng số cây xanh được trồng mới là hơn 300 cây; bóc, xóa hơn 400 điểm rao vặt trái phép; đào 500 hố rác gia đình, 300 hố rác tập trung của thôn; thu gom, xử lý được 10.000 m³ rác thải...

V. Hệ thống quan trắc và cảnh báo về môi trường

- Tình hình đầu tư, xây dựng hệ thống quan trắc tự động:

Dự án đầu tư mở rộng tăng cường năng lực các trạm quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và bổ sung trang thiết bị phòng thí nghiệm được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 256/NQ-HĐND ngày 16/6/2020; Chủ tịch UBND tỉnh có Công văn số

13361/UBND-THKH ngày 12/9/2024 giao Sở kế hoạch và đầu tư chủ trì phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan, tham mưu việc tiếp tục thực hiện dự án; Quyết định số 3884/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 về việc bổ sung, điều chỉnh nguồn vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh, nguồn vốn ngân sách trung ương (nguồn vốn dự bị động viên) vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa.

Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh Thanh Hoá, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định Báo cáo số 190/BC-STNMT ngày 02/12/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư mở rộng tăng cường năng lực các trạm quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và bổ sung trang thiết bị phòng thí nghiệm; Tờ trình số 1836/TTr-STNMT ngày 05/12/2024 về thẩm định báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư mở rộng tăng cường năng lực các trạm quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và bổ sung trang thiết bị phòng thí nghiệm theo công văn số 13361/UBND-THKH ngày 12/9/2024 và Quyết định số 3884/QĐ-UBND ngày 20/10/2023.

- Công tác quản lý, vận hành các trạm quan trắc tự động, liên tục:

Sở Tài nguyên và Môi trường được UBND tỉnh giao quản lý, vận hành 03 trạm do nhà nước đầu tư từ năm 2019 (*01 trạm QTMT không khí tại UBND P. Lam Sơn, TX. Bỉm Sơn; 01 trạm QTMT không khí tại BQL KKT Nghi Sơn và các KCN Thanh Hoá; 01 trạm quan trắc môi trường nước biển tại P. Hải Thanh, TX. Nghi Sơn*).

Thời gian qua, các trạm hoạt động tương đối ổn định, chuỗi số liệu truyền về có độ tin cậy, chính xác; góp phần không nhỏ vào việc tăng cường năng lực quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, tại thời điểm kiểm tra, một số thiết bị phân tích chính của trạm có độ sai số lớn, hệ thống thường xuyên phát lỗi cảnh báo yêu cầu thay thế thiết bị theo khuyến cáo của nhà sản xuất, nếu kéo dài có thể làm hư hại thiết bị; một số thiết bị phụ trợ đi kèm đã hư hỏng không sử dụng được (như: Bộ lưu điện, máy tính, camera, máy bơm và hệ thống đường ống cấp nước trạm quan trắc nước biển); hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin chưa được cập nhật theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 01/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Dẫn đến số liệu truyền về Sở có lúc bị gián đoạn, ảnh hưởng đến kết quả quan trắc; không đảm bảo an ninh, an toàn thông tin mạng; nguy cơ hư hỏng các thiết bị chính rất cao do nguồn điện không ổn định

- Hoạt động quản lý, duy trì vận hành và kiểm soát chất lượng các trạm quan trắc tự động (không khí xung quanh và nước biển) trên địa bàn:

Ngày 10/01/2020 Chủ tịch UBND Tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND về việc Ban hành Quy chế quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Trong đó: Quy định trách nhiệm của các đơn vị quản lý, vận hành. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ

quan đầu mối giúp UBND tỉnh quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh và quy định rõ trách nhiệm của Chi cục Bảo vệ Môi trường; Trách nhiệm của Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ môi trường; Trách nhiệm của Trung tâm Công nghệ thông tin.

- Công tác quản lý, kiểm soát chất lượng đối với trạm quan trắc tự động phát thải:

Trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa hiện tại có 26 đơn vị đã lắp đặt trạm quan trắc khí thải, nước thải tự động, liên tục. Với số lượng 115 trạm quan trắc tự động liên tục (bao gồm cả trạm quan trắc do Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý), trong đó: Trạm quan trắc nước thải 27 trạm; trạm quan trắc khí thải 85 trạm; 02 trạm quan trắc môi trường không khí; 01 trạm quan trắc môi trường nước biển.

Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tăng cường công tác giám sát, theo dõi thực hiện vận hành và kiểm soát các trạm của chủ nguồn thải; Tăng cường công tác kiểm tra, xác nhận và niêm phong hệ thống truyền nhận số liệu của Trạm; Kịp thời phát hiện doanh nghiệp có thông số vượt quy chuẩn cho phép, có biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

Chi tiết hiện trạng các trạm quan trắc môi trường trên địa bàn tại Phụ lục VII kèm theo.

VI. Điều kiện và nguồn lực về bảo vệ môi trường

6.1. Nguồn nhân lực:

- Cấp tỉnh: Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường được giao cho Chi cục Bảo vệ môi trường và một số đơn vị chuyên môn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường như: Thanh tra, Phòng Tài nguyên nước, Trung tâm quan trắc và BVMT, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường - Công an tỉnh thực hiện chức năng phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh phòng chống tội phạm về tài nguyên, môi trường và an toàn thực phẩm với 78 cán bộ, chiến sỹ; lực lượng Công an các huyện cũng đã thành lập bộ phận môi trường thuộc đội Kinh tế - Môi trường. Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn với 06 biên chế, thực hiện chức năng quản lý tài nguyên và môi trường trong địa bàn Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN của tỉnh;

Ngoài ra, các Sở, ban, ngành của tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về BVMT.

- Cấp huyện: Đến nay, 27/27 huyện, thị, thành phố đã có phòng Tài nguyên và Môi trường với 4-6 công chức; các xã, phường, thị trấn đều có công chức địa chính môi trường.

Nhìn chung, bộ máy tổ chức quản lý Nhà nước về BVMT của tỉnh trong những năm gần đây đang dần được hoàn thiện cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay, tỉnh Thanh Hoá đang tiếp tục triển khai việc bố trí, sắp xếp cán bộ, lãnh đạo,

quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

6.2. Nguồn lực tài chính (tổng kinh phí cho các hoạt động bảo vệ môi trường, trong đó nêu rõ kinh phí từ các nguồn sự nghiệp môi trường, đầu tư phát triển, khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, xã hội hóa...).

Hàng năm, Sở Tài chính đã tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường không thấp hơn 1% tổng chi ngân sách của tỉnh trong dự toán ngân sách hàng năm và tăng tỷ lệ này theo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế cho hoạt động bảo vệ môi trường. Cụ thể năm 2024 tổng chi ngân sách từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường cho các hoạt động bảo vệ môi trường của địa phương trong năm 2024 là 570,306 tỷ đồng. Ngoài ra, kết hợp chi từ ngân sách (nguồn vốn đối ứng) với các nguồn đầu tư tài chính hợp pháp trong và ngoài nước (viện trợ nước ngoài ODA...) cho các dự án, hoạt động có tính chất bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, kết hợp chi từ ngân sách (*nguồn vốn đối ứng*) với các nguồn đầu tư tài chính hợp pháp trong và ngoài nước (*viện trợ nước ngoài ODA...*) cho các dự án có tính chất BVMT. Thực hiện cơ chế cho phép chủ đầu tư được trực tiếp thu để bù chi BVMT trên nguyên tắc “*người gây ô nhiễm phải trả tiền*” và “*người hưởng lợi từ môi trường phải chi trả phí*”.

- Việc xây dựng, tham mưu ban hành cơ chế, chính sách về đầu tư hạ tầng BVMT gắn với chương trình xây dựng NTM; cơ chế chính sách khuyến khích, hỗ trợ về vốn đối với các cơ sở, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân áp dụng sản xuất sạch, tái chế, tái sử dụng chất thải được quan tâm thực hiện. HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 về chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025; Nghị quyết số 236/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 về việc ban hành chính sách hỗ trợ xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2020-2025. Ngoài ra, trên cơ sở nguồn vốn sự nghiệp Trung ương giao bổ sung thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Chương trình tăng cường BVMT, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tăng cường thu hút các dự án đầu tư sử dụng công nghệ sản xuất xanh, sạch và thân thiện với môi trường: UBND tỉnh ban hành Danh mục các dự án kêu gọi thu hút vốn đầu tư trực tiếp tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025 (*trong đó, có một số dự án xử lý ô nhiễm môi trường*); tham mưu giải quyết đề nghị triển khai các đề án, dự án, nhiệm vụ về BVMT; bổ sung một số dự án phát triển năng lượng sạch, thân thiện

với môi trường trên địa bàn tỉnh, đảm bảo quy định của pháp luật; 100% các quy hoạch, chiến lược, kế hoạch có tính đến tác động của BĐKH, nước biển dâng.

VII. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu thống kê về môi trường

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 674/BTNMT-MT ngày 30/01/2024 về thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2023 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; UBND tỉnh đã chỉ đạo, đôn đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị liên quan tổ chức thu thập, tổng hợp, tự đánh giá kết quả thực hiện các chỉ số nhóm I Bộ chỉ số năm 2023 của tỉnh Thanh Hoá. Ngày 27/3/2024, UBND tỉnh Thanh Hoá đã có Công văn số 4148/UBND-NN báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả tự đánh giá các chỉ số nhóm I, Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hoá năm 2023. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 4337/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2024 phê duyệt và công bố kết quả thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2023 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo đó, tỉnh Thanh Hoá được xếp hạng thứ 41 với tổng điểm bộ chỉ số (PEPI) là 41,23.

VIII. Đánh giá chung:

Năm 2024, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, công tác BVMT đã được tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả và tạo hành lang pháp lý cho các thành phần kinh tế hoạt động. Công tác quản lý nhà nước về BVMT được thực hiện đúng theo pháp luật; nhận thức về công tác BVMT của các cấp, các ngành và quần chúng nhân dân được nâng lên; công tác thanh tra, kiểm tra, đôn đốc, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT tại các cơ sở, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh được thực hiện thường xuyên; xử lý kịp thời các điểm nóng về môi trường; nhiều dự án xử lý nước thải, rác thải, điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật, các cơ sở sản xuất kinh doanh được đầu tư xây dựng công trình xử lý chất thải; hoàn thành kế hoạch trồng rừng tập trung, trồng rừng ngập mặn ven biển, góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng bền vững. Tuy nhiên, công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh hiện còn một số hạn chế, yếu kém:

- Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh ngày càng nhiều, việc xử lý rác thải sinh hoạt đang có nhiều hạn chế, hạ tầng xử lý rác thải sinh hoạt ở nhiều địa phương còn thiếu và chưa đồng bộ, nhiều bãi rác quá tải so với công suất thiết kế ban đầu, tiến độ thực hiện dự án trọng điểm để xử lý rác thải trên địa bàn thành phố Thanh Hóa, huyện Đông Sơn và vùng phụ cận còn rất chậm (*Nhà máy xử lý rác thải tại xã Đông Nam, huyện Đông Sơn*); một số dự án chưa triển khai (*Nhà máy đốt rác thải sinh hoạt phát điện tại phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn; Nhà máy xử lý rác thải phường Quảng Minh, TP Sầm Sơn*); Nhiều - Việc chấp thuận cho các cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trước đây do lịch sử để lại (các cơ sở sản xuất giấy vàng mã) nằm sát bờ sông Mã tiềm ẩn nhiều nguy

cơ xả nước thải chưa được xử lý ra sông, ảnh hưởng đến chất lượng nước sông Mã và hoạt động nuôi trồng thủy sản dọc bờ sông.

- Việc hình thành các trang trại với quy mô lớn tập trung trong cùng một khu vực¹, đặc biệt là các trang trại nuôi lợn đã và đang đặt ra những thách thức lớn về môi trường, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm cao (về mùi hôi và nước thải), gây mất an ninh trật tự trên địa bàn, tạo dư luận không tốt trong xã hội.

- Hoạt động khai thác, chế biến, vận chuyển khoáng sản tại một số khu vực còn phát sinh nhiều bụi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

*** Nguyên nhân:**

- Nguồn lực đầu tư của tỉnh còn hạn chế cho công tác xử lý chất thải, nhất là việc đầu tư nhà máy xử lý CTRSH bằng công nghệ hiện đại;

- Việc kêu gọi đầu tư nhà máy xử lý chất thải từ nguồn vốn xã hội hóa gặp nhiều khó khăn do lĩnh vực xử lý chất thải không hấp dẫn các nhà đầu tư như các loại hình sản xuất kinh doanh khác;

- Năng lực của một số chủ đầu tư còn hạn chế, chưa tập trung nguồn lực để giải quyết kịp thời vướng mắc để đưa dự án đi vào vận hành đúng tiến độ.

- Pháp luật về bảo vệ môi trường đã có nhiều thay đổi, yêu cầu về bảo vệ môi trường ngày càng cao, dẫn đến công trình xử lý chất thải của một số cơ sở sản xuất, chăn nuôi đã đi vào hoạt động trước khi ban hành Luật BVMT 2020 không còn đáp ứng được với yêu cầu mới².

- Các quy định về nước tưới cho cây trồng theo yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa được cụ thể hóa về phạm vi, liều lượng, quy cách tưới, dẫn tới khó khăn trong công tác quản lý (một số trang trại có thể vận dụng việc tưới cây để xả nước ra môi trường).

- Một số cơ sở chăn nuôi³ đã đầu tư xây dựng các công trình xử lý nước thải, khí thải theo đúng hồ sơ môi trường được thẩm định, phê duyệt. Tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tế, vẫn còn hiện tượng phát tán mùi ra khu vực dân cư, rò rỉ nước thải ra môi trường do chưa tính toán đầy đủ các yếu tố bất lợi như điều kiện địa hình, địa chất, khí tượng, thủy văn, sự cố thiên tai...

- Việc thực hiện Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 22/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; trong đó, quy định không thanh kiểm tra đơn vị quá 01 lần/năm đã dẫn đến hạn chế trong việc kiểm tra, giám sát môi trường. Việc kiểm tra có kế

¹Các địa phương có nhiều trang trại quy mô lớn, rất lớn tập trung trong cùng một khu vực, cụ thể: Như Xuân: 9 trang trại; Thạch Thành: 6 trang trại; Ngọc Lặc: 3 trang trại.

²Một số cơ sở chế biến tinh bột sắn, trang trại chăn nuôi đã hoạt động từ lâu, quy trình xử lý nước thải chủ yếu là nước thải được đưa vào các hầm biogas để xử lý, sau đó tiếp tục được lưu giữ tại các ao hồ để xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Tuy nhiên, theo Luật BVMT hiện hành, các công trình này không được tính là công trình xử lý môi trường nếu không có biện pháp chống thấm.

³ Trang trại Agrivina tại xã Tân Phúc, Lang Chánh; Trang trại Dabaco tại xã Thạch Tượng, Thạch Thành;

hoạch và phải có thông báo trước cho đơn vị đã dẫn đến sự đối phó, che dấu hành vi vi phạm.

- Ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với một số cơ sở sản xuất, trang trại chưa cao, chưa chấp hành đầy đủ, nghiêm túc các quy định về bảo vệ môi trường, một số cơ sở chưa đầu tư đầy đủ công trình xử lý môi trường, hoặc đầu tư nhưng không vận hành thường xuyên, còn có tâm lý đối phó.

- Việc xử lý vi phạm về mặt hành chính chưa đủ sức răn đe đối với các hành vi xả thải gây ô nhiễm môi trường.

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn, chính quyền địa phương trong công tác kiểm soát, phòng ngừa ô nhiễm môi trường từ hoạt động sản xuất, chăn nuôi vẫn còn chưa đáp ứng được yêu cầu.

IX. Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp bảo vệ môi trường thời gian tới.

4.1. Mục tiêu:

Phát triển kinh tế nhanh và bền vững trên cơ sở phát triển công nghiệp nặng, nông nghiệp là nền tảng; công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ logistics là đột phá; du lịch là mũi nhọn; tập trung phát triển 4 trung tâm kinh tế động lực, 5 trụ cột tăng trưởng và 6 hành lang kinh tế. Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng các hoạt động văn hóa – xã hội. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường. Bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

4.2. Phương hướng và giải pháp bảo vệ môi trường:

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm BVMT, nâng cao tính tích cực của tổ chức, các nhân trong hoạt động BVMT bằng nhiều hình thức.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật bảo vệ môi trường đến các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các tầng lớp nhân dân để từng bước xây dựng ý thức chấp hành pháp luật về môi trường và phòng ngừa ô nhiễm;

- Triển khai, tập huấn các nội dung của Luật BVMT và các văn bản hướng dẫn thi hành, trọng tâm là các đối tượng: Các ban, ngành, đơn vị xây dựng, xét duyệt các quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư, lãnh đạo các cấp chính quyền huyện, xã, chủ doanh nghiệp...coi đây là công tác trọng tâm, cơ bản nhằm nhanh chóng đưa các nội dung của luật vào cuộc sống.

- Phát động phong trào toàn dân tham gia BVMT, khuyến khích và đẩy mạnh xã hội hóa BVMT trên địa bàn toàn tỉnh;

b) Bảo đảm yêu cầu về môi trường bắt đầu ngay từ khâu xây dựng quy

hoạch, kế hoạch, lập dự án đầu tư.

- Quản lý chặt chẽ ngay từ khi xây dựng, phê duyệt, quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư của các ngành, các cấp, các doanh nghiệp:

- Các chủ dự án, chủ doanh nghiệp khi chuẩn bị đầu tư phải có trách nhiệm xem xét và thực hiện nghĩa vụ BVMT, thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư phát triển;

- Các cơ quan quản lý nhà nước khi thẩm định các dự án đầu tư phải có trách nhiệm xem xét đến tất cả các yếu tố tác động đến môi trường. Kiên quyết không đưa vào xây dựng, vận hành, khai thác các cơ sở chưa đáp ứng các yêu cầu về BVMT.

c) Tăng cường kiểm soát ô nhiễm tại nguồn, quản lý và xử lý chất thải.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm về môi trường của các trang trại nhất là các hành vi xả nước thải, chất thải gây ô nhiễm môi trường. Nếu trường hợp các cơ trang trại gây ô nhiễm nhiều lần, tham mưu cho UBND tỉnh cho dừng hoạt động; Nghiên cứu, tìm hiểu các công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại từ các đối tác trong và ngoài nước trong xử lý nước thải, mùi hôi chuồng trại để hướng dẫn, yêu cầu các nhà đầu tư trang trại áp dụng;

- Yêu cầu chính quyền địa phương, tăng cường kiểm tra hoạt động của các trang trại chăn nuôi trên địa bàn. Chủ động xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vi phạm theo thẩm quyền; ngăn chặn kịp thời các hành vi xả chất thải gây ô nhiễm môi trường; không để hình thành các điểm nóng về môi trường.

- Phát hiện và có biện pháp nhân rộng các mô hình điển hình về BVMT theo hướng phát triển bền vững; quản lý và kiểm soát chặt chẽ chất thải, khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực môi trường; đối với các dự án đầu tư mới; đặc biệt, coi trọng khâu thẩm định công nghệ, kiên quyết không chấp nhận các dự án đầu tư, sử dụng công nghệ lạc hậu không đảm bảo môi trường, sử dụng đất lãng phí;

- Các ngành chức năng của tỉnh có trách nhiệm lập và tổ chức thực hiện quy hoạch hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt cũng như các bãi chôn lấp chất thải rắn; thúc đẩy xã hội hoá công tác thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, khuyến khích việc cung cấp các dịch vụ xử lý rác thải sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thu gom, xử lý nước thải của các KCN, CCN yêu cầu các cơ sở sản xuất trong KCN, CCN phải đầu nối nước thải vào hệ thống xử lý tập trung, không thải trực tiếp ra môi trường.

d) Tập trung tháo gỡ khó khăn vướng mắc đối với các dự án xử lý rác thải

- Tiếp tục đồng hành cùng các chủ đầu tư nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt để kịp thời tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư;

- Tiếp tục kêu gọi xã hội hóa đầu tư các khu xử lý chất thải rắn bằng công nghệ hiện đại tại các huyện để giảm tối đa lượng rác thải phải chôn lấp trực tiếp.

- Tổ chức phê duyệt giá dịch vụ xử lý CTR sinh hoạt sau khi Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về định mức kinh tế- kỹ thuật và quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt;

- Chấn chỉnh, chỉ đạo, đôn đốc các chủ đầu tư khẩn trương hoàn thành, đưa dự án đi vào hoạt động theo đúng tiến độ và cam kết; kiên quyết thu hồi các dự án không hoàn thành hồ sơ thủ tục pháp lý theo quy định.

- Tiếp tục chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý CTRSH theo quy định của Luật BVMT; trong đó, tập trung vào các nhiệm vụ: Triển khai phân loại CTRSH tại nguồn để giảm khối lượng rác thải cần xử lý; nhân rộng các mô hình tận dụng rác thải hữu cơ để làm phân bón cho cây trồng; thường xuyên kiểm tra, yêu cầu các đơn vị quản lý, vận hành bãi chôn lấp thực hiện đúng quy trình chôn lấp rác thải hợp vệ sinh, thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi hôi, xử lý nước rỉ rác, phòng ngừa ô nhiễm môi trường;

e) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT

- Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia công tác BVMT; cơ chế hỗ trợ cho các dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải, áp dụng công nghệ sạch, tạo thuận lợi về đất đai để xây dựng các công trình BVMT; Khuyến khích lựa chọn công nghệ đồng bộ, tiên tiến cho hoạt động tái chế, tái sử dụng chất thải để tạo ra nguyên liệu và năng lượng.

- Tiếp tục cải cách hành chính trong lĩnh vực TN&MT; nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ thực thi pháp luật BVMT và chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác BVMT ở cơ sở; các cấp, các ngành tăng cường trách nhiệm trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực BVMT thuộc cấp mình, ngành mình quản lý.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các KCN, CCN, làng nghề; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, kiên quyết xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền những cơ sở sản xuất kinh doanh không tuân thủ pháp luật BVMT và các hành vi gây ô nhiễm môi trường bằng các biện pháp kinh tế, hành chính.

- Tăng cường công tác phòng ngừa, ứng cứu khắc phục sự cố môi trường do thiên tai gây ra; phục hồi môi trường, khắc phục ô nhiễm môi trường trong khai thác khoáng sản; tăng cường công tác điều tra cơ bản về đa dạng sinh học, bảo vệ đa dạng sinh học.

- Nâng cao chất lượng công tác thẩm định báo cáo ĐTM; cấp Giấy phép môi trường xem đây là công cụ quan trọng trong việc phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường.

f) Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao công nghệ; tích hợp tăng trưởng

xanh trong các hoạt động kinh tế.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ cao, công nghệ sạch và thân thiện với môi trường. Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả các Quyết định của UBND tỉnh về công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 4216/QĐ-UBND ngày 06/10/2020, Quyết định số 176/QĐ-UBND tỉnh ngày 10/01/2022) nhằm mục tiêu phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, tăng năng suất lao động, tạo động lực tăng trưởng xanh, phát triển bền vững.

- Tích hợp tăng trưởng xanh vào các chương trình, hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực trong các ngành nghề xanh; các chương trình hợp tác quốc tế để đào tạo các ngành nghề xanh theo quy chuẩn đào tạo của các tổ chức quốc tế và nhu cầu lao động trong các ngành nghề xanh của thành phần kinh tế tư nhân. Từng bước hình thành, phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động của tỉnh cho các ngành nghề xanh, kết nối cung và cầu trong thị trường lao động việc làm xanh.

X. Đề xuất, kiến nghị với Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Ban hành Thông tư hướng dẫn đầu thầu dự án xã hội hóa về xử lý chất thải theo Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu thầu;

- Báo cáo Chính phủ trình Quốc hội nghiên cứu, sửa đổi những bất cập của Luật Đầu tư trong việc thu hồi các dự án xử lý chất thải chậm tiến độ;

- Báo cáo Chính phủ cho tăng kinh phí chi cho sự nghiệp môi trường hằng năm lên 2% ngân sách.

Trên đây là báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, UBND tỉnh Thanh Hóa báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/cáo);
- Các sở: TN&MT, KH&ĐT, TC, XD;
- UBND các huyện, thị xã, TP;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang